



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 1 (DAN1191)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119380001	Ngô Thị Thúy	An	12/01/2001	73	Khá
2	3119380010	Nguyễn Thái Văn	Anh	12/07/2001	83	Tốt
3	3119380017	Đỗ Minh	Ánh	26/06/2001	48	Yếu
4	3118380028	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	29/09/2000	51	Trung bình
5	3119380024	Cao Chí	Cảnh	13/01/2001	60	Trung bình
6	3119380031	Nguyễn Thị Kim	Chi	06/01/2001	63	Trung bình
7	3119380038	Nguyễn Ngọc	Dung	11/05/2001	54	Trung bình
8	3119380046	Vương Anh	Duy	16/08/2001	50	Trung bình
9	3119380053	Trần Nguyệt Khánh	Đan	23/01/2001	58	Trung bình
10	3119380061	Lê Văn Hải	Đăng	31/08/2001	61	Trung bình
11	3119380068	Cao Ngọc Quỳnh	Giang	08/11/2001	59	Trung bình
12	3119380075	Trịnh Thị Thanh	Hà	31/01/2001	62	Trung bình
13	3119380083	Dương Mỹ	Hằng	08/12/2001	68	Khá
14	3119380091	Trần Ngọc Thanh	Hiền	09/05/2001	67	Khá
15	3119380098	Nguyễn Thị	Hoa	10/09/2001	43	Yếu
16	3118380105	Lý Chí	Hùng	21/07/2000	66	Khá
17	3119380121	Trần Nguyễn Phương	Khanh	02/01/2001	52	Trung bình
18	3119380138	Trần Thị Ánh	Linh	01/06/2001	81	Tốt
19	3119380145	Nguyễn Tấn	Lợi	13/04/2001	55	Trung bình
20	3119380152	Ngô Thị Thanh	Mai	11/07/2001	70	Khá
21	3119380159	Trần Ngọc	Minh	01/07/2001	65	Khá
22	3119380166	Trần Thị Như	Mỹ	11/01/2001	58	Trung bình
23	3119380174	Nguyễn Thị Thu	Ngân	14/09/2001	53	Trung bình
24	3119380181	Nguyễn Lê Thục	Nghi	27/02/2001	69	Khá
25	3119380189	Nguyễn Bảo	Ngọc	16/05/2001	68	Khá
26	3119380196	Trương Thị Minh	Ngọc	25/07/2001	61	Trung bình
27	3119380205	Lại Hào	Nhi	01/01/2001	67	Khá
28	3119380213	Võ Yến	Nhi	16/02/2001	80	Tốt
29	3119380220	Hoàng Thị Minh	Oanh	13/02/2001	74	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 1 (DAN1191)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119380228	Đỗ Hồng	Phúc	17/07/2001	70	Khá
31	3119380235	Nguyễn Ngọc Nam	Phương	27/09/2001	58	Trung bình
32	3119380251	Lưu Diễm	Quỳnh	21/07/2001	56	Trung bình
33	3119380258	Lê Thị	Sương	09/06/2001	54	Trung bình
34	3119380266	Huỳnh Thị Phương	Thảo	18/04/2001	59	Trung bình
35	3119380281	Trần Quốc	Thịnh	12/08/2001	52	Trung bình
36	3119380288	Cao Thị Phương	Thùy	04/12/2001	65	Khá
37	3119380295	Nguyễn Đào Anh	Thư	04/07/2001	50	Trung bình
38	3119380302	Võ Thị Quỳnh	Thư	29/12/2001	71	Khá
39	3118380331	Trần Ngọc Loan	Thy	29/03/2000	51	Trung bình
40	3119380309	Trần Trọng	Tín	06/12/2001	66	Khá
41	3118380345	Huỳnh Thùy	Trang	30/08/2000	55	Trung bình
42	3119380316	Võ Thị Ngọc	Trang	04/10/2001	54	Trung bình
43	3119380332	Phùng Thanh	Trúc	22/11/2001	55	Trung bình
44	3119380339	Huỳnh Thanh	Tú	26/12/2001	85	Tốt
45	3119380347	Lê Thị Thanh	Tuyền	16/10/2001	60	Trung bình
46	3119380361	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	28/10/2001	55	Trung bình
47	3119380368	Nguyễn Ngọc Bảo	Vi	04/04/2001	42	Yếu
48	3119380376	Đặng Thúy	Vy	16/03/2001	58	Trung bình
49	3119380385	Trần Thanh	Vy	21/08/2001	71	Khá

Tổng cộng danh sách này có 49 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	4	8,2
Khá	15	30,6
TB	27	55,1
Yếu	3	6,1
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 2 (DAN1192)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119380003	Huỳnh Thị Ngọc	Anh	24/10/2001	63	Trung bình
2	3119380011	Nguyễn Thị Phương	Anh	20/05/2001	60	Trung bình
3	3119380018	Lê Thị	Ánh	14/07/2001	58	Trung bình
4	3119380025	Đặng Ngọc Minh	Châu	11/07/2001	63	Trung bình
5	3119380032	Tăng Linh	Chi	01/05/2001	44	Yếu
6	3119380039	Phan Thùy	Dung	05/09/2001	58	Trung bình
7	3119380047	Bùi Thị Mỹ	Duyên	17/09/2001	57	Trung bình
8	3119380054	Huỳnh Minh	Đạt	10/06/2001	81	Tốt
9	3119380062	Trần Hải	Đặng	12/08/2001	48	Yếu
10	3119380069	Đinh Thị Hương	Giang	31/07/2001	60	Trung bình
11	3119380076	Vương Tấn	Hải	13/10/2001	68	Khá
12	3119380084	Nguyễn Lê Thúy	Hằng	08/07/2001	63	Trung bình
13	3119380092	Trương Thu	Hiền	26/10/2001	62	Trung bình
14	3119380099	Nguyễn Trần Lê	Hoa	05/10/2001	62	Trung bình
15	3119380107	Đoàn Thanh	Huy	07/12/2001	63	Trung bình
16	3119380114	Nguyễn Quốc	Kha	10/12/2001	54	Trung bình
17	3119380122	Trương Đoàn Như	Khanh	06/02/2001	72	Khá
18	3119380130	Nguyễn Huỳnh Hải	Lam	23/05/2001	55	Trung bình
19	3119380139	Yên Huệ	Linh	22/10/2001	63	Trung bình
20	3119380146	Thái Tòng	Lợi	27/04/2001	56	Trung bình
21	3119380153	Trịnh Thị Tuyết	Mai	20/07/2001	62	Trung bình
22	3119380167	Lý Thị	Nga	16/05/2001	60	Trung bình
23	3119380175	Nguyễn Việt Diệu	Ngân	10/04/2001	71	Khá
24	3119380190	Nguyễn Khánh	Ngọc	12/12/2001	54	Trung bình
25	3119380197	Trương Thị Như	Ngọc	11/08/2001	53	Trung bình
26	3119380206	Nguyễn Hồng	Nhi	31/10/2001	62	Trung bình
27	3119380214	Danh Ngọc	Nhung	31/12/2001	57	Trung bình
28	3119380222	Văn Vĩ	Phát	25/02/2001	54	Trung bình
29	3119380236	Nguyễn Ngọc Nam	Phương	02/03/2001	39	Yếu



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 2 (DAN1192)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119380243	Lưu Hoàng	Quốc	17/07/2001	72	Khá
31	3119380252	Chung Bích	San	29/12/2001	71	Khá
32	3119380260	Thái Thị Minh	Tâm	21/04/2001	79	Khá
33	3119380267	Huỳnh Thị Tú	Thảo	19/08/2001	61	Trung bình
34	3119380282	Nguyễn Thị Mỹ	Tho	19/12/2001	69	Khá
35	3119380289	Tổng Thị Diễm	Thúy	21/02/2001	66	Khá
36	3119380296	Nguyễn Đỗ Minh	Thư	10/03/2001	65	Khá
37	3119380303	Nguyễn Hoài	Thương	03/05/2001	73	Khá
38	3119380310	Đỗ Thuý	Trang	03/03/2001	56	Trung bình
39	3119380326	Võ Hàn	Trân	03/07/2001	61	Trung bình
40	3119380333	Trương Huỳnh Thanh	Trúc	23/12/2001	61	Trung bình
41	3119380340	Phạm Thị Cẩm	Tú	30/12/2001	77	Khá
42	3119380348	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	16/05/2001	64	Trung bình
43	3119380355	Nguyễn Du Cát	Tường	26/07/2001	64	Trung bình
44	3119380362	Nguyễn Thị Khánh	Uyên	13/09/2001	65	Khá
45	3119380369	Hứa Tân	Vĩ	13/03/2001	0	Kém
46	3119380379	Ma Ngọc Mai	Vy	30/07/2001	53	Trung bình
47	3119380386	Trần Thị Thảo	Vy	29/05/2001	62	Trung bình
48	3119380392	Trương Thị Như	Ý	31/05/2001	55	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 48 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	1	2,1
Khá	12	25,0
TB	31	64,6
Yếu	3	6,3
Kém	1	2,1

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 3 (DAN1193)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119380004	Lê Thị Vân	Anh	26/02/2001	71	Khá
2	3119380012	Nguyễn Trần Hoàng	Anh	29/09/2001	66	Khá
3	3119380019	Sơn Hoàng	Ân	21/02/2001	59	Trung bình
4	3119380026	Lâm Thị Ngọc	Châu	09/09/2001	0	Kém
5	3119380033	Phan Đình	Chiến	28/09/2001	60	Trung bình
6	3119380040	Tạ Thị Mỹ	Dung	11/04/2001	55	Trung bình
7	3119380048	Huỳnh Thị Bảo	Duyên	25/11/2001	61	Trung bình
8	3119380055	Huỳnh Phúc	Đạt	28/09/2001	66	Khá
9	3119380063	Đoàn Đức	Đình	08/03/2001	53	Trung bình
10	3119380070	Nguyễn Thượng Cẩm	Giang	13/10/2001	61	Trung bình
11	3119380077	Dương Thị	Hạnh	22/07/2000	81	Tốt
12	3119380085	Nròng Ka'	Hằng	03/04/2001	64	Trung bình
13	3119380093	Vũ Ngọc	Hiền	01/01/2001	63	Trung bình
14	3119380100	Phan Thị Ngọc	Hoa	02/03/2001	64	Trung bình
15	3119380108	Lưu Trung	Huy	11/02/2001	60	Trung bình
16	3119380115	Quan Nguyễn Bảo	Kha	25/08/2001	62	Trung bình
17	3119380123	Nguyễn Lê Phúc	Khánh	11/06/2001	60	Trung bình
18	3119380132	Đặng Trần Kim	Linh	04/02/2001	48	Yếu
19	3119380140	Nguyễn Hoàng	Long	24/04/2001	65	Khá
20	3119380147	Lê Thị Mỹ	Luận	12/03/2001	67	Khá
21	3119380161	Đặng Tuyết	My	16/10/2001	84	Tốt
22	3119380169	Hồ Thị Hai	Ngân	11/07/2000	64	Trung bình
23	3119380176	Trần Mỹ	Ngân	28/01/2001	73	Khá
24	3119380183	Đặng Thị Diễm	Ngọc	18/08/2001	73	Khá
25	3119380191	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	14/12/2001	59	Trung bình
26	3119380198	Võ Hoàng Bảo	Ngọc	20/06/2001	73	Khá
27	3119380207	Nguyễn Ngọc Sơn	Nhi	09/02/2001	75	Khá
28	3119380223	Nguyễn Minh	Phi	17/10/2001	48	Yếu
29	3119380230	Đỗ Thị Ngọc	Phụng	15/12/2001	68	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 3 (DAN1193)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119380237	Nguyễn Thanh	Phuong	10/09/2001	84	Tốt
31	3119380253	Nguyễn Tấn	Si	22/09/2001	66	Khá
32	3119380261	Lê Thoại	Tân	01/11/2001	72	Khá
33	3119380268	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	08/08/2000	57	Trung bình
34	3119380275	Trương Như Anh	Thi	27/08/2001	72	Khá
35	3119380290	Trần Thanh	Thúy	01/10/2001	65	Khá
36	3119380297	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	03/09/2001	55	Trung bình
37	3119380304	Thái Thành Thảo	Thương	21/08/2001	79	Khá
38	3119380311	Lê Thị Huyền	Trang	15/06/2001	85	Tốt
39	3119380327	Nguyễn Ngô Trọng	Trí	21/09/2001	62	Trung bình
40	3119380334	Dương Minh	Trung	06/06/2001	40	Yếu
41	3119380342	Châu Trị	Tuấn	24/06/2001	60	Trung bình
42	3119380349	Nguyễn Thụy Ngân	Tuyền	19/07/2001	73	Khá
43	3119380363	Tê Thanh	Uyên	10/12/2001	68	Khá
44	3119380370	Nguyễn Quang	Vinh	22/05/2001	64	Trung bình
45	3119380380	Nguyễn Hoàng Trúc	Vy	17/10/2001	66	Khá
46	3119380387	Võ Ngọc Tường	Vy	21/03/2001	58	Trung bình
47	3119380393	Phạm Thị	Yên	24/06/2001	66	Khá

Tổng cộng danh sách này có 47 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	4	8,5
Khá	19	40,4
TB	20	42,6
Yếu	3	6,4
Kém	1	2,1

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 4 (DAN1194)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119380006	Nguyễn Lan	Anh	21/09/2001	64	Trung bình
2	3119380013	Nguyễn Vũ Minh	Anh	27/06/2001	50	Trung bình
3	3119380020	Huỳnh Quốc	Bảo	11/07/2001	64	Trung bình
4	3119380027	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	17/11/2001	60	Trung bình
5	3119380034	Trần Thị Kim	Cúc	25/09/2000	64	Trung bình
6	3119380041	Nguyễn Hoàng	Dũng	09/03/2001	53	Trung bình
7	3119380049	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	29/01/2001	67	Khá
8	3119380056	Nguyễn Đăng Quốc	Đạt	19/03/2001	65	Khá
9	3119380064	Nguyễn Phúc Mẫn	Đoan	24/12/2001	63	Trung bình
10	3119380071	Lê Thị Thu	Hà	02/10/2001	51	Trung bình
11	3119380078	Lê Minh	Hạnh	26/04/2001	69	Khá
12	3119380102	Nguyễn Minh	Hoàng	21/03/2001	57	Trung bình
13	3119380109	Tô Nguyễn Trọng	Huy	08/10/2001	50	Trung bình
14	3119380116	Nguyễn Đức	Khải	29/03/2001	60	Trung bình
15	3119380124	Phạm Ngân	Khánh	16/01/2001	47	Yếu
16	3119380133	Lê Thị Dịu	Linh	02/07/2001	69	Khá
17	3119380141	Phạm Phi	Long	07/09/2001	50	Trung bình
18	3119380148	Nguyễn Phước Minh	Luân	08/10/2001	47	Yếu
19	3119380155	Diệp Gia	Mẫn	06/02/2001	50	Trung bình
20	3119380177	Trần Thanh	Ngân	03/11/2001	80	Tốt
21	3119380184	Hồ Mỹ	Ngọc	24/09/2001	58	Trung bình
22	3119380192	Phan Hồng	Ngọc	05/03/2001	47	Yếu
23	3119380208	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	17/09/2001	68	Khá
24	3119380224	Trương Trường	Phi	31/03/2001	74	Khá
25	3119380231	Cao Minh	Phước	21/01/2001	54	Trung bình
26	3119380238	Nguyễn Thị Kim	Phương	07/10/2001	62	Trung bình
27	3119380246	Trần Ngọc Mỹ	Quyên	08/03/2001	58	Trung bình
28	3119380269	Phạm Thị Bách	Thảo	09/11/2001	63	Trung bình
29	3119380277	Nguyễn Ngọc	Thiện	20/08/2001	66	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 4 (DAN1194)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119380284	Tăng Thị Kim	Thoa	17/12/2001	83	Tốt
31	3119380298	Nguyễn Thị Anh	Thư	24/02/2001	68	Khá
32	3119380305	Hoàng Thị Thùy	Tiên	08/12/2001	63	Trung bình
33	3119380312	Mạc Thùy	Trang	22/06/2001	76	Khá
34	3119380320	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	05/04/2001	67	Khá
35	3119380328	Lý Đình Phương	Trình	07/11/2001	56	Trung bình
36	3119380335	Võ Thị Thúy	Truyền	01/07/2001	63	Trung bình
37	3119380343	Trần Minh	Tuấn	29/10/2001	63	Trung bình
38	3119380350	Nguyễn Trần Thanh	Tuyền	12/10/2001	65	Khá
39	3119380357	Đào Phương	Uyên	21/04/2001	66	Khá
40	3119380364	Trần Tú	Uyên	06/04/2001	52	Trung bình
41	3119380371	Trần Quốc	Vinh	18/11/2001	70	Khá
42	3119380381	Nguyễn Hữu Tuyết	Vy	09/05/2001	71	Khá
43	3119380388	Phạm Nguyễn Thanh	Xuân	31/12/2001	53	Trung bình
44	3119380394	Châu Thụy Ngọc	Yến	06/06/2001	53	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 44 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	2	4,5
Khá	14	31,8
TB	25	56,8
Yếu	3	6,8
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 5 (DAN1195)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119380007	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	24/12/2001	56	Trung bình
2	3119380014	Phạm Thị Phương	Anh	03/02/2001	64	Trung bình
3	3119380021	Lâm Huế	Bình	22/02/2000	38	Yếu
4	3119380035	Trần Quốc	Cường	05/11/2000	45	Yếu
5	3119380043	Phạm Tiến	Dũng	05/08/2001	59	Trung bình
6	3119380050	Võ Thị Mỹ	Duyên	01/10/2001	53	Trung bình
7	3119380057	Nguyễn Thị Thủy	Đạt	01/10/2001	55	Trung bình
8	3119380065	Mai Huỳnh	Đức	17/02/2001	75	Khá
9	3119380072	Phạm Thanh	Hà	01/01/2001	67	Khá
10	3119380088	Lê Nguyễn Thanh	Hiền	24/10/2001	68	Khá
11	3119380095	Lê Thị Ngọc	Hiếu	27/12/2001	65	Khá
12	3119380103	Phan Tiến	Hoàng	05/03/2001	55	Trung bình
13	3119380110	Trần Minh	Huy	16/08/2001	67	Khá
14	3119380117	Trần Quốc	Khải	04/01/2001	59	Trung bình
15	3119380125	Hoàng Yên	Khê	18/11/2001	63	Trung bình
16	3119380135	Nguyễn Thị Mai	Linh	20/10/2001	67	Khá
17	3119380142	Vương Hoàng	Long	03/11/2001	44	Yếu
18	3119380149	Tô Thị	Ly	21/07/2001	70	Khá
19	3119380156	Tracy Wong Tsui	Ming	18/06/2001	57	Trung bình
20	3119380171	Đào Ngọc Kim	Ngân	25/01/2001	77	Khá
21	3119380178	Trần Thị Kim	Ngân	12/10/2001	74	Khá
22	3119380185	Lê Hồng	Ngọc	07/07/2001	67	Khá
23	3119380193	Phùng Thị Bích	Ngọc	15/05/2001	93	Xuất sắc
24	3119380200	Nguyễn Doãn Thảo	Nguyên	16/10/2001	58	Trung bình
25	3119380209	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/12/2001	60	Trung bình
26	3119380217	Nguyễn Song Yến	Như	14/08/2001	66	Khá
27	3119380225	Nguyễn Đệ	Pho	18/11/2000	66	Khá
28	3119380232	Huỳnh Hồng Liên	Phương	25/08/2001	69	Khá
29	3119380239	Nguyễn Thị Kim	Phượng	15/01/2001	59	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 5 (DAN1195)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119380247	Trần Chấn	Quyền	05/12/2000	67	Khá
31	3119380255	Nang Res	Smây	11/04/2001	63	Trung bình
32	3119380263	Giang Ngọc	Thanh	07/09/2001	64	Trung bình
33	3119380270	Văn Thị Thanh	Thảo	25/11/2001	65	Khá
34	3119380285	Nguyễn Ngọc Minh	Thuận	07/05/2001	34	Kém
35	3119380292	Đỗ Anh	Thư	29/08/2001	58	Trung bình
36	3119380299	Phạm Minh	Thư	05/12/2001	63	Trung bình
37	3119380306	Nguyễn Thùy	Tiên	22/01/2001	52	Trung bình
38	3119380313	Nguyễn Lê Phương	Trang	31/08/2001	56	Trung bình
39	3119380321	Trần Ngọc Bảo	Trâm	19/06/2001	63	Trung bình
40	3119380329	Võ Huỳnh Hạnh	Trình	19/12/2001	76	Khá
41	3119380336	Trần Chính	Trúc	01/07/2001	51	Trung bình
42	3119380344	Nguyễn Sơn	Tùng	23/04/2001	63	Trung bình
43	3119380351	Phạm Vũ Kim	Tuyền	02/07/2001	60	Trung bình
44	3119380358	Đỗ Ngọc Phương	Uyên	07/07/2001	52	Trung bình
45	3119380365	Nguyễn Ngọc Thùy	Vân	01/12/2001	53	Trung bình
46	3119380372	Nguyễn Thanh	Vũ	11/04/2001	56	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 46 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	2,2
Tốt	0	0,0
Khá	16	34,8
TB	25	54,3
Yếu	3	6,5
Kém	1	2,2

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 6 (DAN1196)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119380008	Nguyễn Nhật	Anh	15/12/2001	56	Trung bình
2	3119380015	Phan Nguyễn Kiều	Anh	07/06/2001	35	Yếu
3	3119380022	Trần Kim	Bình	29/07/2001	67	Khá
4	3119380029	Trần Thị Bảo	Châu	23/11/2001	55	Trung bình
5	3119380036	Nguyễn Lê Hoàng	Diễm	30/06/2001	72	Khá
6	3119380044	Phạm Trung	Dũng	25/08/2001	51	Trung bình
7	3119380051	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	10/02/2001	55	Trung bình
8	3119380059	Trần Thành	Đạt	01/10/2001	65	Khá
9	3119380066	Trần Hoài	Đức	25/11/2001	61	Trung bình
10	3119380073	Phan Thị Ngọc	Hà	04/06/2001	81	Tốt
11	3119380080	Nguyễn Nhựt	Hào	01/11/2001	62	Trung bình
12	3119380089	Nguyễn Thị Kim	Hiền	12/04/2001	70	Khá
13	3119380096	Nguyễn Minh	Hiếu	05/10/2001	55	Trung bình
14	3119380104	Trương Kim	Hoàng	19/07/2001	57	Trung bình
15	3119380111	Đào Diệu	Huyền	05/06/2001	71	Khá
16	3119380119	Trần Vĩnh	Khang	28/03/2001	51	Trung bình
17	3119380126	Lê Đặng Đăng	Khoa	31/10/2001	64	Trung bình
18	3119380136	Phan Hoàng Khánh	Linh	23/05/2001	46	Yếu
19	3119380143	Nguyễn Minh	Lộc	25/10/2001	71	Khá
20	3119380150	Hồ Thị Tuyết	Mai	25/09/2001	69	Khá
21	3119380157	Huỳnh Nhã	Minh	13/04/2001	63	Trung bình
22	3119380164	Chềng Gia	Mỹ	04/03/2001	61	Trung bình
23	3119380179	Trịnh Thị Tiên	Ngân	20/12/2001	59	Trung bình
24	3119380186	Lê Mạn	Ngọc	25/02/2001	99	Xuất sắc
25	3119380194	Thái Nguyễn Hồng	Ngọc	23/09/2001	74	Khá
26	3119380201	Nguyễn Đặng Tiến	Nguyên	08/08/2001	78	Khá
27	3119380210	Nguyễn Vũ Hồng	Nhi	10/07/2001	71	Khá
28	3119380218	Nguyễn Vũ Gia	Như	20/01/2001	64	Trung bình
29	3119380226	Nguyễn Hoàng	Phú	18/07/2001	72	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 6 (DAN1196)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119380233	Lê Thị Trúc	Phuong	07/03/2001	69	Khá
31	3119380240	Phạm Minh	Quang	17/10/2001	64	Trung bình
32	3119380248	Bùi Diễm	Quỳnh	21/10/2001	61	Trung bình
33	3119380256	Trần Đoàn Lam	Son	06/08/2001	55	Trung bình
34	3119380271	Võ Thị Tùng	Thảo	10/08/2001	69	Khá
35	3119380279	Nguyễn Đình Hưng	Thịnh	18/01/2001	60	Trung bình
36	3119380286	Cún Thượng	Thuận	12/10/2001	67	Khá
37	3119380293	Lê Thị Minh	Thư	06/01/2001	63	Trung bình
38	3119380300	Phạm Minh	Thư	12/07/2001	74	Khá
39	3119380307	Nguyễn Trần Thủy	Tiên	01/05/2001	61	Trung bình
40	3119380314	Trần Thị Hồng	Trang	08/02/2001	66	Khá
41	3119380330	Bùi Nguyễn Thanh	Trúc	07/08/2001	60	Trung bình
42	3119380345	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyên	25/08/2001	65	Khá
43	3119380352	Hoàng Thị	Tuyết	09/12/2000	73	Khá
44	3119380359	Nguyễn Huỳnh Khánh	Uyên	14/03/2001	76	Khá
45	3119380366	Nguyễn Phan Thảo	Vân	05/06/2001	66	Khá
46	3119380374	Lý Quốc	Vương	16/04/2001	59	Trung bình
47	3119380383	Nguyễn Thảo	Vy	28/02/2001	99	Xuất sắc
48	3119380390	Lê Thị Như	Ý	24/11/2001	74	Khá

Tổng cộng danh sách này có 48 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	4,2
Tốt	1	2,1
Khá	21	43,8
TB	22	45,8
Yếu	2	4,2
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 7 (DAN1197)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119380009	Nguyễn Phương	Anh	14/08/2001	65	Khá
2	3119380016	Trần Quốc	Anh	12/01/2001	82	Tốt
3	3119380030	Kiều Kim	Chi	17/01/2001	78	Khá
4	3119380037	Trần Ngọc	Doanh	10/01/2001	60	Trung bình
5	3119380060	Trần Thông	Đạt	05/10/2001	65	Khá
6	3119380074	Trần Thị Tuyết	Hà	05/02/2001	70	Khá
7	3119380090	Nguyễn Thu	Hiền	03/01/2001	72	Khá
8	3119380097	Nguyễn Hồng	Hoa	02/08/2001	68	Khá
9	3119380105	Nguyễn Thị Thu	Hồng	09/01/2001	62	Trung bình
10	3119380112	Phan Quang	Hung	29/08/2001	81	Tốt
11	3119380120	Trần Loan	Khanh	16/04/2001	69	Khá
12	3119380127	Trương Minh	Khôi	13/12/2001	66	Khá
13	3119380137	Trần Diệu	Linh	05/01/2001	58	Trung bình
14	3119380144	Nguyễn Văn	Lộc	09/04/2001	0	Kém
15	3119380151	Lê Phương	Mai	07/03/2001	70	Khá
16	3119380158	Lại Đức	Minh	11/02/2001	71	Khá
17	3119380165	Lê Ngọc	Mỹ	25/05/2001	63	Trung bình
18	3119380173	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/09/2001	95	Xuất sắc
19	3119380180	Nguyễn Châu Gia	Nghi	20/10/2001	65	Khá
20	3119380187	Lưu Hoàng Bảo	Ngọc	10/06/2001	65	Khá
21	3119380195	Trần Thị Kim	Ngọc	19/07/2001	66	Khá
22	3119380203	Bùi Thị	Nhi	27/05/2001	74	Khá
23	3119380219	Lê Trần Minh	Nhật	08/05/2001	68	Khá
24	3119380227	Đoàn Minh	Phúc	07/04/2001	75	Khá
25	3119380234	Ngô Bảo	Phương	08/10/2001	58	Trung bình
26	3119380241	Nguyễn Trung	Quân	04/12/2001	71	Khá
27	3119380249	Đinh Thụy Lam	Quỳnh	24/06/2001	80	Tốt
28	3119380257	Trần Quang	Son	15/04/2001	67	Khá
29	3119380265	Đặng Vũ Nhật	Thảo	09/06/2001	72	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.19 - Lớp 7 (DAN1197)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119380272	Nguyễn Trương Ngọc	Thắm	10/12/2001	77	Khá
31	3119380287	Nguyễn Bùi Bích	Thùy	29/09/2001	81	Tốt
32	3119380294	Lê Trần Khánh	Thư	10/12/2001	88	Tốt
33	3119380301	Phan Minh	Thư	07/06/2001	72	Khá
34	3119380308	Trần Thị Kim	Tiến	06/04/2001	77	Khá
35	3119380315	Trương Thùy	Trang	26/11/1999	58	Trung bình
36	3119380324	Phạm Thị Huyền	Trân	11/04/2001	63	Trung bình
37	3119380331	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	06/09/2001	68	Khá
38	3119380338	Trần Khánh	Trường	05/05/2001	70	Khá
39	3119380346	Lê Nguyễn Ngọc	Tuyền	17/08/2001	74	Khá
40	3119380353	Lê Ánh	Tuyệt	16/02/2001	55	Trung bình
41	3119380360	Nguyễn Ngọc Như	Uyên	19/04/2001	74	Khá
42	3119380367	Đặng Thúy	Vi	05/08/2001	70	Khá
43	3119380375	Đặng Hiểu	Vy	17/10/2001	74	Khá
44	3119380384	Nguyễn Tường	Vy	03/01/2001	87	Tốt
45	3119380391	Lưu Ngọc	Ý	09/05/2001	83	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 45 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	2,2
Tốt	7	15,6
Khá	28	62,2
TB	8	17,8
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,2

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 1 (DAN1201)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120380057	Hoàng Thị Minh	Anh	23/04/2002	83	Tốt
2	3120380063	Nguyễn Ngọc Triết	Anh	22/03/2002	61	Trung bình
3	3120380070	Phạm Quỳnh	Anh	17/09/2002	47	Yếu
4	3120380003	Vũ Thiên Hồng	Ân	22/11/2002	46	Yếu
5	3120380083	Nguyễn Thị Minh	Châu	09/10/2002	69	Khá
6	3120380095	Lưu Trọng	Đạt	11/04/2002	63	Trung bình
7	3119380067	Nguyễn Thị Kim	Em	16/11/2000	55	Trung bình
8	3120380101	Nguyễn Trúc Ánh	Giang	26/06/2002	85	Tốt
9	3120380108	Lê Nguyễn Nhật	Hào	04/04/2002	82	Tốt
10	3120380114	Đỗ Ngọc Thúy	Hân	06/04/2002	59	Trung bình
11	3119380087	Nguyễn Ngọc	Hân	09/05/2001	58	Trung bình
12	3120380127	Trần Nguyễn Khánh	Hoàng	30/10/2002	76	Khá
13	3120380133	Lê Ngọc	Huy	03/09/2002	83	Tốt
14	3120380139	Võ Như	Huỳnh	01/04/2002	60	Trung bình
15	3120380146	Vương Nguyễn Quỳnh	Hương	20/07/2002	77	Khá
16	3120380152	Lê Hồng	Khoa	10/04/2002	59	Trung bình
17	3120380021	Bùi Thị Thiên	Kiều	30/09/2002	72	Khá
18	3120380165	Lâm Thành	Luân	06/09/2002	62	Trung bình
19	3120380178	Nguyễn Đăng Thanh	Mỹ	23/07/2002	71	Khá
20	3119380170	Bùi Thị Thanh	Ngân	20/07/2001	47	Yếu
21	3120380197	Trần Thanh Thảo	Nguyên	22/09/2002	77	Khá
22	3120380203	Lương Nguyễn Yến	Nhi	15/08/2002	64	Trung bình
23	3120380209	Phùng Giang Uyển	Nhi	22/08/2002	86	Tốt
24	3120380215	Trương Huỳnh	Như	15/02/2002	53	Trung bình
25	3120380221	Nguyễn Hồng	Phúc	08/02/2001	47	Yếu
26	3120380227	Nguyễn Hà Văn	Phương	14/10/2002	88	Tốt
27	3120380242	Trương Kim	Sa	09/11/2002	68	Khá
28	3120380260	Cao Quốc	Thắng	18/08/2001	86	Tốt
29	3120380266	Lê Thị	Thơm	08/09/2002	72	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 1 (DAN1201)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120380041	Nguyễn Thị Như	Thùy	01/02/2002	71	Khá
31	3120380272	Lê Thị Thu	Thùy	27/06/2002	80	Tốt
32	3120380279	Trần Minh	Thư	02/06/2002	86	Tốt
33	3120380286	Trần Thị Thủy	Tiên	30/03/2002	67	Khá
34	3120380298	Nguyễn Ngô Quế	Trân	22/11/2002	80	Tốt
35	3120380305	Nguyễn Thanh	Trúc	27/12/2002	84	Tốt
36	3120380311	Trần Quang	Trường	05/03/2002	44	Yếu
37	3120380317	Lê Anh	Tuấn	06/12/2002	61	Trung bình
38	3120380323	Nhâm Cát	Tường	02/03/2002	62	Trung bình
39	3120380329	Đinh Võ Thảo	Vân	17/05/2002	76	Khá
40	3120380335	Trần Ý	Vi	03/05/2002	86	Tốt
41	3120380341	Nguyễn Phạm Tường	Vy	24/03/2002	72	Khá
42	3120380051	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	29/10/2002	73	Khá
43	3120380348	Vũ Nguyễn Trúc	Vy	29/06/2002	65	Khá

Tổng cộng danh sách này có 43 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	12	27,9
Khá	14	32,6
TB	12	27,9
Yếu	5	11,6
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 2 (DAN1202)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120380064	Nguyễn Thị Phương	Anh	11/04/2002	60	Trung bình
2	3120380071	Phạm Thị Quỳnh	Anh	04/05/2002	69	Khá
3	3120380078	Phạm Ngọc	Bích	23/05/2002	68	Khá
4	3120380084	Đinh Lệnh	Chí	04/10/2002	65	Khá
5	3120380096	Trần Minh	Đạt	09/10/2002	63	Trung bình
6	3120380009	Nguyễn Mai Quỳnh	Giang	03/12/2002	60	Trung bình
7	3120380102	Phí Thị Quỳnh	Giang	06/02/2002	83	Tốt
8	3120380109	Quách Ngọc Anh	Hào	07/10/2002	63	Trung bình
9	3120380121	Vòng Chi	Hân	24/06/2002	63	Trung bình
10	3120380128	Nguyễn Lê Gia	Huệ	11/12/2002	68	Khá
11	3120380134	Lê Phạm Gia	Huy	04/08/2002	64	Trung bình
12	3120380141	Nguyễn Hoàng Gia	Hưng	14/11/2000	43	Yếu
13	3120380147	Đinh Triệu	Khang	29/03/1998	42	Yếu
14	3120380153	Đỗ Phạm Minh	Khuê	16/01/2002	58	Trung bình
15	3120380022	Hoàng Khánh	Linh	08/11/2002	71	Khá
16	3120380159	Mai Nhã	Linh	05/06/2002	74	Khá
17	3120380166	Trần Thanh	Luật	10/10/2002	81	Tốt
18	3120380173	Nguyễn Vũ Thu	Minh	19/10/2002	68	Khá
19	3120380179	Nguyễn Thị Hoàn	Mỹ	02/12/2002	66	Khá
20	3120380186	Nguyễn Thị Kim	Ngân	17/05/2002	79	Khá
21	3120380192	Hong Bửu	Nghi	04/07/2002	74	Khá
22	3120380198	Nguyễn Thanh	Nhàn	23/08/2002	80	Tốt
23	3120380204	Nguyễn Đặng Hoàng	Nhi	16/12/2002	59	Trung bình
24	3120380210	Cao Nguyễn Hồng	Nhung	06/10/2002	73	Khá
25	3120380216	Châu Sở	Oanh	09/02/2002	70	Khá
26	3120380034	Tô Hoàng	Phúc	14/10/2002	50	Trung bình
27	3120380229	Đỗ Hà Ngọc	Phượng	19/11/2002	91	Xuất sắc
28	3120380235	Dương Thảo	Quỳnh	22/09/2002	69	Khá
29	3120380249	Nguyễn Duy	Tân	22/12/2002	79	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 2 (DAN1202)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120380255	Đào Thị Thu	Thảo	18/05/2002	61	Trung bình
31	3120380261	Võ Minh	Thắng	11/12/2002	35	Yếu
32	3120380267	Nguyễn Thị Ánh	Thu	20/09/2002	58	Trung bình
33	3120380273	Nguyễn Ngọc Thanh	Thủy	01/01/2001	68	Khá
34	3120380044	Trần Ngọc Anh	Thư	31/07/2002	60	Trung bình
35	3120380280	Võ Thị Anh	Thư	08/03/2002	94	Xuất sắc
36	3120380293	Mai Thị Yến	Trâm	22/11/2002	76	Khá
37	3120380299	Trần Bảo	Trân	29/01/2002	77	Khá
38	3120380306	Phan Lê Thanh	Trúc	21/10/2002	90	Xuất sắc
39	3120380312	Bùi Anh	Tú	30/08/2002	53	Trung bình
40	3120380318	Nguyễn Minh	Tuấn	10/06/2002	50	Trung bình
41	3120380324	Đỗ Thu	Uyên	12/08/2002	83	Tốt
42	3120380330	Trần Ngọc Khánh	Vân	03/05/2002	57	Trung bình
43	3120380336	Đặng Huỳnh	Vĩ	01/05/2002	69	Khá
44	3120380342	Nguyễn Hậu Tường	Vy	13/01/2002	68	Khá
45	3120380349	Bùi Võ Thanh	Xuân	06/02/2002	88	Tốt
46	3120380052	Trần Thiên	Ý	06/09/2002	62	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 46 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện
Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	3	6,5
Tốt	5	10,9
Khá	19	41,3
TB	16	34,8
Yếu	3	6,5
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 3 (DAN1203)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120380059	Lương Quỳnh	Anh	12/10/2002	79	Khá
2	3120380066	Nguyễn Trường Phương	Anh	02/04/2002	63	Trung bình
3	3120380073	Trần Dương Quỳnh	Anh	11/10/2002	84	Tốt
4	3120380079	Vũ Trần Gia	Bửu	29/09/2002	58	Trung bình
5	3120380085	Lê Thị Bích	Diễm	31/10/2002	93	Xuất sắc
6	3120380091	Trần Lê Bảo	Duy	07/05/2002	65	Khá
7	3120380097	Trần Tiến	Đạt	08/10/2002	61	Trung bình
8	3120380103	Trần Hương	Giang	18/05/2002	42	Yếu
9	3120380110	Nguyễn Đào Như	Hào	07/08/2002	64	Trung bình
10	3120380116	Ngô Bảo	Hân	31/01/2002	65	Khá
11	3120380122	Hà Thu	Hiền	22/03/2002	56	Trung bình
12	3120380013	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	26/11/2002	63	Trung bình
13	3120380129	Trần Thị Thu	Huệ	26/04/2002	59	Trung bình
14	3120380135	Trần Khánh	Huy	30/08/2002	61	Trung bình
15	3120380142	Nguyễn Ngọc	Hưng	13/10/2002	59	Trung bình
16	3120380148	Nguyễn Ngọc Nhã	Khanh	23/09/2002	63	Trung bình
17	3120380154	Võ Thanh Bảo	Khuyên	31/07/2002	63	Trung bình
18	3120380023	Lê Thị Diệu	Linh	30/01/2002	75	Khá
19	3120380160	Nguyễn Giang Bội	Linh	04/06/2002	91	Xuất sắc
20	3120380167	Nguyễn Thị	Luyến	14/02/2002	62	Trung bình
21	3120380053	H-Chi-Bu	Mbre	15/03/2002	63	Trung bình
22	3120380174	Dương Hải	My	13/04/2002	81	Tốt
23	3120380180	Lại Ngọc Quỳnh	Nga	17/09/2002	82	Tốt
24	3120380187	Nguyễn Thụy Thu	Ngân	03/07/2002	67	Khá
25	3120380193	Phạm Hữu	Nghĩa	12/05/2002	69	Khá
26	3120380199	Nguyễn Phúc Hạnh	Nhân	22/03/2002	61	Trung bình
27	3120380211	Huỳnh	Như	20/08/2002	60	Trung bình
28	3120380217	Vũ Thị Kiều	Oanh	21/06/2002	56	Trung bình
29	3120380223	Lý Gia	Phụng	17/02/2002	65	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 3 (DAN1203)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120380230	Mai Ngọc Nhựt	Quang	17/08/2002	67	Khá
31	3120380036	Trần Minh	Quân	08/10/2002	74	Khá
32	3120380236	Hồ Thị Mỹ	Quỳnh	12/02/2002	69	Khá
33	3120380244	Trần Hải	Son	05/09/1993	51	Trung bình
34	3120380250	Phạm Bá	Thái	07/10/2002	55	Trung bình
35	3120380262	Lê Thị Ngọc	Thi	31/03/2002	66	Khá
36	3120380268	Lê Nhã	Thục	13/01/2002	50	Trung bình
37	3120380274	Nguyễn Thị Phương	Thúy	17/07/1999	84	Tốt
38	3120380282	Trần Hồng	Thương	07/09/2002	85	Tốt
39	3120380288	Phạm Thị Kiều	Trang	06/12/2002	89	Tốt
40	3120380294	Nguyễn Thị Bích	Trâm	18/07/2002	61	Trung bình
41	3120380046	Dương Huỳnh Bảo	Trân	24/12/2002	84	Tốt
42	3120380300	Đình Minh	Trí	28/03/2002	62	Trung bình
43	3120380313	Châu Phạm Cẩm	Tú	01/12/2002	66	Khá
44	3120380319	Trần Anh	Tuấn	13/09/2002	44	Yếu
45	3120380325	Huỳnh Mỹ	Uyên	27/11/2002	68	Khá
46	3120380337	Nguyễn Khắc	Vĩ	23/04/2002	63	Trung bình
47	3120380343	Nguyễn Khánh	Vy	01/11/2002	75	Khá
48	3120380350	Kha Như	Ý	04/04/2002	69	Khá

Tổng cộng danh sách này có 48 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	4,2
Tốt	7	14,6
Khá	15	31,3
TB	22	45,8
Yếu	2	4,2
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 4 (DAN1204)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120380054	Nguyễn Lê Hà	An	03/10/2002	51	Trung bình
2	3120380060	Nguyễn Lan	Anh	21/11/2001	60	Trung bình
3	3120380067	Nguyễn Vy	Anh	05/04/2002	46	Yếu
4	3120380074	Phạm Thiên	Ân	03/01/2002	55	Trung bình
5	3120380080	Cao Lâm Bảo	Châu	19/04/1996	81	Tốt
6	3120380086	Đinh Ngọc	Diệp	25/04/2002	65	Khá
7	3120380092	Châu Hải	Duyên	21/07/2002	68	Khá
8	3120380098	Phạm Huỳnh	Đăng	24/09/2002	57	Trung bình
9	3120380105	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hạnh	30/10/2002	75	Khá
10	3120380111	Nguyễn Như	Hào	06/12/2002	63	Trung bình
11	3120380123	Hoàng Thanh	Hiền	14/10/2002	60	Trung bình
12	3120380014	Trần Lê	Hoàng	01/03/2002	63	Trung bình
13	3120380130	Đỗ Nguyễn Hoàng	Huy	17/09/2002	50	Trung bình
14	3120380136	Nguyễn Thanh	Huyền	10/06/2002	72	Khá
15	3120380143	Đỗ Thị Tuyết	Hương	28/04/2002	68	Khá
16	3120380149	Thạch Ái	Khanh	09/08/2002	72	Khá
17	3120380155	Nguyễn Thành	Kiệt	21/08/2002	50	Trung bình
18	3120380162	Nguyễn Trần Thoại	Linh	02/11/2002	60	Trung bình
19	3120380175	Hồ Nguyễn Thảo	My	25/11/2002	38	Yếu
20	3120380181	Lâm Tuyết	Nga	01/01/2002	56	Trung bình
21	3120380188	Trần Hiếu	Ngân	10/05/2002	75	Khá
22	3120380194	Lữ Trương Cẩm	Ngọc	06/12/2002	50	Trung bình
23	3120380200	Nguyễn Tiến	Nhân	16/06/2002	68	Khá
24	3120380206	Nguyễn Thị Hiền	Nhi	04/11/2002	65	Khá
25	3120380212	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	13/03/2002	70	Khá
26	3120380218	Trương Tấn	Phát	15/10/2002	95	Xuất sắc
27	3120380224	Nguyễn Thị Kim	Phụng	08/08/2002	75	Khá
28	3120380231	Lê Đức Minh	Quân	10/09/2001	87	Tốt
29	3120380237	Lê Thị Như	Quỳnh	08/11/2002	73	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 4 (DAN1204)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120380037	Nguyễn Thiện	Tài	19/06/2002	68	Khá
31	3120380245	Đặng Ngọc	Tâm	17/02/2002	91	Xuất sắc
32	3120380251	Huỳnh Ngọc Thiên	Thanh	27/03/2002	82	Tốt
33	3120380263	Nguyễn Hoàng Anh	Thi	28/02/2002	85	Tốt
34	3120380275	Cao Phạm Anh	Thư	02/04/2002	62	Trung bình
35	3120380283	Phạm Hoàng Phú Anh	Thy	25/06/2002	62	Trung bình
36	3120380289	Quách Thị Thu	Trang	26/12/2002	68	Khá
37	3120380295	Nguyễn Vũ Bảo	Trâm	21/08/2002	69	Khá
38	3120380047	Bùi Minh	Triết	02/08/2002	46	Yếu
39	3120380301	Dương Vĩnh Hải	Triều	17/12/2002	77	Khá
40	3120380314	Trần Thị Cẩm	Tú	17/01/2002	56	Trung bình
41	3120380320	Huyền Phạm Thanh	Tùng	20/02/2002	65	Khá
42	3120380326	Nguyễn Huỳnh Phương	Uyên	03/02/2002	55	Trung bình
43	3120380332	Đặng Nguyễn Trúc	Vi	29/07/2002	61	Trung bình
44	3120380338	Nguyễn Thành	Vinh	29/04/2002	70	Khá
45	3120380344	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	13/07/2002	60	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 45 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	4,4
Tốt	4	8,9
Khá	18	40,0
TB	18	40,0
Yếu	3	6,7
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 5 (DAN1205)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120380055	Bùi Ngô Văn	Anh	06/11/2002	77	Khá
2	3120380061	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	09/11/2002	59	Trung bình
3	3120380068	Phạm Châu Phương	Anh	20/06/2002	59	Trung bình
4	3120380075	Huỳnh Gia	Bảo	05/12/2002	0	Kém
5	3120380081	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu	16/09/2002	63	Trung bình
6	3120380087	Lý Hồng	Diệp	23/08/2002	85	Tốt
7	3120380093	Đoàn Lê	Duyên	29/08/2002	74	Khá
8	3120380099	Nguyễn Đỗ Minh	Đức	10/09/1998	63	Trung bình
9	3120380106	Nguyễn Ngọc Hồng	Hạnh	29/01/2002	87	Tốt
10	3120380118	Phạm Ngọc Gia	Hân	09/01/2002	57	Trung bình
11	3120380124	Nguyễn Minh	Hiền	05/09/2002	61	Trung bình
12	3120380131	Huỳnh Đàm	Huy	13/11/2002	55	Trung bình
13	3120380137	Nguyễn Thu	Huyền	03/09/2002	100	Xuất sắc
14	3120380144	Nguyễn Quỳnh	Hương	04/07/2002	64	Trung bình
15	3120380150	Lê	Khánh	06/05/2002	53	Trung bình
16	3120380156	Đặng Tuyết	Kim	07/12/2002	84	Tốt
17	3120380163	Đặng Thị Kim	Loan	17/03/2002	59	Trung bình
18	3120380170	Phan Lê Hiền	Mai	11/05/2002	71	Khá
19	3120380176	Trần Nhã	My	21/07/2002	72	Khá
20	3120380183	Lê Thị Kim	Ngân	03/10/2002	83	Tốt
21	3120380195	Trần Trương Bảo	Ngọc	12/03/2002	73	Khá
22	3120380201	Hồng Bội	Nhi	10/09/2002	67	Khá
23	3120380207	Nguyễn Yến	Nhi	04/05/2002	72	Khá
24	3120380031	Đỗ Hồng	Nhung	17/07/2002	63	Trung bình
25	3120380213	Trần Lê Quỳnh	Như	06/11/2002	62	Trung bình
26	3120380232	Phan Xuân	Quân	19/09/2002	66	Khá
27	3120380240	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	07/02/2002	50	Trung bình
28	3120380246	Nguyễn Hoàng	Tâm	16/11/2002	58	Trung bình
29	3120380252	Nguyễn Thị Phương	Thanh	28/12/2002	65	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 5 (DAN1205)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120380039	Nguyễn Đăng Ngân	Thảo	30/08/2002	66	Khá
31	3120380264	Trần Nguyên	Thì	17/03/2002	69	Khá
32	3120380270	Huỳnh Mai Ngọc	Thùy	26/04/2002	58	Trung bình
33	3120380277	Nguyễn Minh	Thư	28/07/2002	74	Khá
34	3120380284	Đặng Thị Ngọc	Tiên	12/01/2002	60	Trung bình
35	3120380290	Vũ Lê Thùy	Trang	24/06/2002	40	Yếu
36	3120380296	Chiêm Thực	Trân	28/10/2002	72	Khá
37	3120380048	Lê Thùy	Triều	25/12/2002	77	Khá
38	3120380302	Tạ Vĩnh	Triều	13/04/2002	55	Trung bình
39	3120380309	Nguyễn Tiến	Trung	19/10/2002	62	Trung bình
40	3120380315	Vũ Thanh	Tú	04/12/2002	65	Khá
41	3120380321	Bùi Thị Ánh	Tuyết	28/06/2002	55	Trung bình
42	3120380327	Trần Hồ Phương	Uyên	18/02/2002	65	Khá
43	3120380333	Hồ Lê	Vi	10/01/2002	64	Trung bình
44	3120380339	Chế Thanh	Vy	11/07/2002	68	Khá
45	3120380345	Nguyễn Võ Tường	Vy	17/08/2002	72	Khá
46	3120380352	Trịnh Hoàng	Yến	06/03/2002	60	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 46 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	2,2
Tốt	4	8,7
Khá	18	39,1
TB	21	45,7
Yếu	1	2,2
Kém	1	2,2

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 6 (DAN1206)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120380056	Đặng Tuyết	Anh	12/09/2002	56	Trung bình
2	3120380062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	25/12/2002	58	Trung bình
3	3120380069	Phạm Ngọc Mai	Anh	28/09/2002	50	Trung bình
4	3120380076	Teoh Gia	Bảo	15/11/2002	68	Khá
5	3120380082	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	01/08/2002	62	Trung bình
6	3120380088	Trương Bửu	Diệp	30/09/2002	0	Kém
7	3120380094	Nguyễn Thị Thùy	Dương	06/08/2002	79	Khá
8	3120380100	Nguyễn Thị Lam	Giang	18/06/2002	63	Trung bình
9	3120380107	Cao Ngọc Vĩ	Hào	02/02/2002	57	Trung bình
10	3120380113	Lê Thị Ngọc	Hằng	29/11/2002	70	Khá
11	3120380119	Trần Ngọc	Hân	01/09/2002	76	Khá
12	3120380125	Thạch Thị Thu	Hiền	10/02/2002	83	Tốt
13	3120380132	Huỳnh Phúc Minh	Huy	15/08/2002	56	Trung bình
14	3120380138	Phạm Thị Thanh	Huyền	08/05/2002	62	Trung bình
15	3120380020	Phạm Duy	Khánh	27/10/1998	56	Trung bình
16	3120380151	Đỗ Đăng	Khoa	30/08/2002	64	Trung bình
17	3120380157	Đặng Huỳnh	Kỳ	01/05/2002	58	Trung bình
18	3120380164	Võ Hồng	Loan	03/09/2002	55	Trung bình
19	3120380171	Diệp Phụng	Mẫn	03/01/2002	78	Khá
20	3120380177	Trần Thị Diễm	My	27/06/2002	87	Tốt
21	3120380184	Lý Kim	Ngân	14/03/2002	65	Khá
22	3120380190	Trần Nguyễn Kim	Ngân	25/08/2002	72	Khá
23	3120380196	Trần Anh	Nguyên	09/09/2002	77	Khá
24	3120380202	Jơ Ngõ Linh	Nhi	07/12/2002	64	Trung bình
25	3120380208	Phan Lê Uyển	Nhi	26/06/2002	77	Khá
26	3120380032	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	24/12/2002	52	Trung bình
27	3120380214	Trịnh Bửu	Như	28/10/2002	84	Tốt
28	3120380220	Hà Trọng	Phúc	16/03/2002	74	Khá
29	3120380226	Đoàn Nga Lâm	Phương	23/01/2002	54	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 6 (DAN1206)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120380233	Nguyễn Nhật	Quế	11/12/2002	70	Khá
31	3120380241	Nguyễn Thị Yến	Quỳnh	10/09/2002	63	Trung bình
32	3120380247	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	19/05/2002	66	Khá
33	3120380253	Trần Ngọc	Thanh	13/06/2002	81	Tốt
34	3120380040	Nguyễn Hoàng Thanh	Thảo	29/10/2002	70	Khá
35	3120380259	Nguyễn Thị Mộng	Thắm	05/04/2002	0	Kém
36	3120380265	Huỳnh Quý	Thông	06/01/2002	69	Khá
37	3120380271	Hồ Thu	Thủy	22/03/2002	60	Trung bình
38	3120380278	Nguyễn Thị Minh	Thư	29/09/2002	88	Tốt
39	3120380285	Trần Đỗ Cát	Tiên	15/05/2002	86	Tốt
40	3120380291	Vũ Thị Lương	Trang	01/12/2002	74	Khá
41	3120380297	Lê Bảo	Trân	17/11/2002	72	Khá
42	3120380310	Phạm Quang	Trường	10/04/2002	52	Trung bình
43	3120380316	Huỳnh Luân	Tuấn	12/08/2002	50	Trung bình
44	3120380322	Lưu Cát	Tường	25/10/2002	54	Trung bình
45	3120380328	Vũ Thùy Phương	Uyên	07/04/2002	57	Trung bình
46	3120380050	Nguyễn Thị Kiều	Vân	18/04/2002	61	Trung bình
47	3120380334	Lâm Nhã	Vi	17/11/2002	74	Khá
48	3120380340	Đặng Nhật	Vy	05/09/2002	50	Trung bình
49	3120380347	Trương Thị Thúy	Vy	17/07/2002	80	Tốt
50	3120380353	Võ Hiếu	Yến	15/12/2002	78	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.20 - Lớp 6 (DAN1206)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 50 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	7	14,0
Khá	18	36,0
TB	23	46,0
Yếu	0	0,0
Kém	2	4,0

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 1 (DAN1211)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121380025	Đỗ Trâm	Anh	21/04/2003	62	Trung bình
2	3121380001	Nguyễn Minh	Anh	26/10/2003	62	Trung bình
3	3121380031	Trần Quốc	Anh	27/09/2003	83	Tốt
4	3121380037	Phan Tiểu	Băng	07/09/2003	61	Trung bình
5	3121380043	Lưu Quế	Chi	15/01/2003	75	Khá
6	3121380050	Lê Thị Thanh	Dung	25/02/2003	100	Xuất sắc
7	3121380071	Huỳnh Hương	Giang	11/08/2003	73	Khá
8	3121380077	Trần Hương	Giang	02/11/2003	81	Tốt
9	3121380084	Nguyễn Thị Hiếu	Hạnh	09/07/2003	84	Tốt
10	3121380090	Võ Thị Thúy	Hằng	06/12/2003	64	Trung bình
11	3121380096	Phạm Ngọc	Hân	20/11/2003	65	Khá
12	3121380102	Nguyễn Viết Minh	Hiếu	28/03/2003	90	Xuất sắc
13	3121380109	Lâm Gia	Huy	03/03/2003	79	Khá
14	3121380118	Phan Thị Huỳnh	Hương	08/04/2003	61	Trung bình
15	3121380124	Lưu Vĩnh	Khánh	13/03/2003	65	Khá
16	3121380130	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	02/07/2003	70	Khá
17	3121380136	Nguyễn Thị Diệu	Linh	19/10/2003	71	Khá
18	3121380143	Ngô Thị Minh	Lý	10/10/2003	55	Trung bình
19	3121380009	Huỳnh Xuân	Mai	14/01/2003	98	Xuất sắc
20	3121380149	Chung Huệ	Mẫn	17/12/2003	65	Khá
21	3121380155	Nguyễn Hùng Nhật	Minh	14/06/2003	62	Trung bình
22	3121380161	Lê Thị Quỳnh	Na	27/09/2003	61	Trung bình
23	3121380167	Đặng Huỳnh	Ngân	03/03/2003	79	Khá
24	3121380174	Nguyễn Tuyết	Ngân	20/07/2003	71	Khá
25	3121380181	Thái Thực	Nghi	12/02/2003	81	Tốt
26	3121380187	Ngô Kim	Ngọc	09/06/2003	70	Khá
27	3121380194	Giao Thái	Nguyễn	20/10/2003	77	Khá
28	3121380200	Dương Yên	Nhi	27/10/2003	63	Trung bình
29	3121380206	Võ Minh Tuyết	Nhi	08/09/2003	72	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 1 (DAN1211)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121380212	Huỳnh	Như	06/07/2003	53	Trung bình
31	3121380218	Lê Điền	Phúc	19/08/2003	66	Khá
32	3121380224	Châu Hạnh	Phước	22/04/2003	70	Khá
33	3121380231	Nguyễn Vũ Anh	Quân	22/04/2003	65	Khá
34	3121380238	Phạm Ngân	Quỳnh	24/01/2003	63	Trung bình
35	3121380244	Lương Ngọc Minh	Tâm	18/03/2003	58	Trung bình
36	3121380250	Đào Thị Mỹ	Thành	17/04/2003	87	Tốt
37	3121380258	Đào Ngọc Đoan	Thi	16/05/2003	85	Tốt
38	3121380270	Trần Gia	Thụy	22/05/2003	69	Khá
39	3121380276	Lương Minh	Thư	24/05/2003	66	Khá
40	3121380283	Vũ Ngọc Anh	Thư	02/06/2003	86	Tốt
41	3121380291	Dương Ngọc	Trâm	19/05/2003	93	Xuất sắc
42	3121380298	Thái Bảo	Trân	20/06/2003	76	Khá
43	3121380304	Huỳnh Thanh	Trúc	25/10/2003	72	Khá
44	3120380307	Thái Bình Thủy	Trúc	28/04/2002	62	Trung bình
45	3121380310	Cao Anh	Tuấn	26/04/2001	87	Tốt
46	3121380317	Dương Thị Thu	Uyên	10/03/2002	72	Khá
47	3121380323	Ứng Mỹ	Vân	15/06/2003	56	Trung bình
48	3121380330	Võ Quang	Vinh	10/05/2003	61	Trung bình
49	3121380337	Nguyễn Thanh	Vy	20/02/2003	59	Trung bình
50	3121380019	Mai Xuân	Yến	02/01/2003	82	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 1 (DAN1211)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 50 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	4	8,0
Tốt	9	18,0
Khá	21	42,0
TB	16	32,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 2 (DAN1212)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121380026	Ngô Hồng Quế	Anh	04/09/2003	68	Khá
2	3121380032	Trương Khiết	Anh	15/09/2003	62	Trung bình
3	3121380038	Nguyễn Thùy Ngọc	Bích	06/02/2003	99	Xuất sắc
4	3121380044	Nguyễn Thị Kim	Chi	11/11/2003	62	Trung bình
5	3121380051	Lâm Khải	Duy	28/08/2003	48	Yếu
6	3121380057	Trần Đoàn Phương	Duyên	20/06/2003	79	Khá
7	3121380065	Nguyễn Khoa	Đăng	10/01/2003	90	Xuất sắc
8	3121380072	Huỳnh Phạm Hương	Giang	19/11/2003	72	Khá
9	3121380078	Võ Thị Ngọc	Giàu	24/11/2003	66	Khá
10	3121380085	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	01/09/2003	55	Trung bình
11	3121380091	Hoàng Trần Gia	Hân	15/10/2003	51	Trung bình
12	3121380097	Tăng Hồ Gia	Hân	18/09/2003	81	Tốt
13	3121380103	Đinh Thị Phương	Hoa	31/03/2003	76	Khá
14	3121380110	Lê	Huy	12/10/2003	59	Trung bình
15	3121380119	Nguyễn Đức Võ	Hỷ	27/11/2003	62	Trung bình
16	3121380131	Bùi Khánh	Linh	27/07/2003	49	Yếu
17	3121380002	Đặng Tuyết	Linh	11/11/2003	62	Trung bình
18	3121380138	Phan Nguyễn Thuý	Loan	20/10/2003	78	Khá
19	3121380144	Mạc Diệu Huyền	Mai	08/09/2003	57	Trung bình
20	3121380150	Hồng Tô Huệ	Mẫn	18/03/2003	80	Tốt
21	3121380156	Nguyễn Thị Hoàng	Mơ	16/05/2003	100	Xuất sắc
22	3121380162	Lý Quân	Na	16/12/2003	64	Trung bình
23	3121380169	Huỳnh Kim	Ngân	31/10/2003	86	Tốt
24	3121380175	Trần Thị Kim	Ngân	14/04/2002	57	Trung bình
25	3121380182	Trần Ngọc Xuân	Nghi	13/02/2003	55	Trung bình
26	3121380188	Nguyễn Minh	Ngọc	22/09/2003	65	Khá
27	3121380195	Ngô Thị Khiêm	Nhã	29/07/2003	61	Trung bình
28	3121380201	Đinh Thị Thuý	Nhi	04/02/2003	87	Tốt
29	3121380207	Võ Ý	Nhi	17/12/2003	63	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 2 (DAN1212)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121380213	Lưu Ngọc Bảo	Như	01/06/2003	69	Khá
31	3121380219	Lê Hoàng	Phúc	09/04/2003	72	Khá
32	3121380225	Phùng Hữu	Phước	22/08/2003	68	Khá
33	3121380232	Phan Minh	Quân	27/12/2003	65	Khá
34	3121380239	Trịnh Diễm	Quỳnh	24/04/2003	59	Trung bình
35	3121380251	Hồ Hồng	Thành	13/10/2002	58	Trung bình
36	3121380259	Lê Nguyễn Ngọc	Thi	06/02/2003	66	Khá
37	3121380265	Phó Gia	Thịnh	11/11/2003	52	Trung bình
38	3121380271	Cao Thị Sô	Thư	14/05/2003	78	Khá
39	3121380277	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	15/11/2003	43	Yếu
40	3121380284	Lê Quỳnh Anh	Thy	21/05/2003	85	Tốt
41	3121380292	Đặng Thị Nhã	Trâm	20/02/2003	67	Khá
42	3121380299	Trần Phan Nhã	Trân	12/08/2003	86	Tốt
43	3121380305	Tổng Nhi Phương	Trúc	16/02/2003	50	Trung bình
44	3121380311	Lê Minh	Tuấn	20/12/2003	62	Trung bình
45	3121380318	Nguyễn Hồ Thụy	Uyên	07/11/2003	72	Khá
46	3121380325	Trần Ngọc Thảo	Vi	13/12/2003	83	Tốt
47	3121380332	Cao Tường	Vy	07/08/2003	68	Khá
48	3121380339	Nguyễn Tường	Vy	16/12/2003	59	Trung bình
49	3121380344	Nguyễn Thị Hồng	Yến	12/09/2003	79	Khá

Tổng cộng danh sách này có 49 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	3	6,1
Tốt	7	14,3
Khá	17	34,7
TB	19	38,8
Yếu	3	6,1
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 3 (DAN1213)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121380021	Trần Ngọc	An	29/11/2003	70	Khá
2	3121380027	Nguyễn Đăng Duy	Anh	19/10/2003	77	Khá
3	3121380033	Lê Bạch Hồng	Ân	07/02/2003	0	Kém
4	3121380039	Lê Ngọc Minh	Châu	02/02/2003	48	Yếu
5	3121380045	Võ Nguyệt Triều	Chinh	10/03/2003	68	Khá
6	3121380058	Trần Mỹ	Duyên	10/01/2003	64	Trung bình
7	3121380066	Huỳnh Uyển	Đình	10/06/2003	63	Trung bình
8	3121380073	Lê Võ Huỳnh	Giang	06/06/2003	65	Khá
9	3121380086	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	22/09/2003	57	Trung bình
10	3121380092	Lê Huỳnh Gia	Hân	12/06/2003	91	Xuất sắc
11	3121380098	Lương Thị Kim	Hiền	29/07/2003	58	Trung bình
12	3121380104	Mai Thịnh	Hòa	09/06/2003	65	Khá
13	3121380113	Mai Mỹ	Huyền	21/01/2003	85	Tốt
14	3121380120	Nguyễn Quang	Khải	05/08/2003	53	Trung bình
15	3121380126	Huỳnh Gia	Khiêm	06/12/2003	65	Khá
16	3121380132	Đình Trần Nhất	Linh	11/11/2003	98	Xuất sắc
17	3121380139	Nguyễn Thị Mai	Lộc	17/10/2002	62	Trung bình
18	3121380145	Nguyễn Huỳnh Xuân	Mai	13/11/2003	67	Khá
19	3121380157	Đoàn Thị Thảo	My	23/01/2003	70	Khá
20	3121380163	Tăng Hoàn	Nam	20/03/2003	63	Trung bình
21	3121380177	Võ Ngọc	Ngân	01/08/2003	79	Khá
22	3121380183	Trần Thị Uyển	Nghi	09/06/2003	65	Khá
23	3121380189	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	06/04/2003	54	Trung bình
24	3121380196	Dương Hà Hữu	Nhân	03/08/2003	84	Tốt
25	3121380202	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	10/08/2003	68	Khá
26	3121380208	Vũ Thị Tuyết	Nhi	16/07/2003	89	Tốt
27	3121380214	Đặng Huỳnh Vân	Ny	08/03/2003	69	Khá
28	3121380220	Lê Vũ Minh	Phúc	21/04/2003	63	Trung bình
29	3121380226	Bùi Thị Mai	Phương	15/09/2003	66	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 3 (DAN1213)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121380234	Nguyễn Đình Hạ	Quyên	13/09/2003	59	Trung bình
31	3121380240	Trần Huỳnh Nhất	Sinh	27/02/2002	58	Trung bình
32	3121380246	Nguyễn Hồ Quốc	Thái	07/12/2003	80	Tốt
33	3121380253	Huỳnh Thị Ngọc	Thảo	28/12/2003	76	Khá
34	3121380003	Mai Hoàng Phương	Thi	12/11/2003	83	Tốt
35	3121380260	Phạm Khả	Thi	10/10/2003	80	Tốt
36	3121380266	Đoàn Quốc	Thuận	24/05/2003	59	Trung bình
37	3121380272	Dương Minh	Thư	31/03/2003	85	Tốt
38	3121380278	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	02/11/2003	61	Trung bình
39	3121380293	Tạ Hương Quỳnh	Trâm	18/06/2003	71	Khá
40	3121380300	Trương Thị Quế	Trân	13/09/2003	62	Trung bình
41	3121380306	Lâm Quang	Trường	11/07/2003	100	Xuất sắc
42	3121380312	Phan Ngọc	Tuấn	02/08/2003	62	Trung bình
43	3121380319	Nguyễn Phương Thảo	Uyên	03/05/2003	67	Khá
44	3121380326	Triệu Thanh	Vi	13/06/2003	50	Trung bình
45	3121380333	Ka Lê	Vy	27/03/2003	53	Trung bình
46	3121380340	Trang Yến	Vy	02/10/2003	66	Khá

Tổng cộng danh sách này có 46 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện
Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	3	6,5
Tốt	7	15,2
Khá	17	37,0
TB	17	37,0
Yếu	1	2,2
Kém	1	2,2

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 4 (ĐAN1214)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121380022	Trương Vũ Khả	An	03/11/2003	100	Xuất sắc
2	3121380028	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2003	63	Trung bình
3	3121380034	Ngô Duy Quốc	Bảo	18/02/2003	100	Xuất sắc
4	3121380040	Lê Thị Hoàng	Châu	18/09/2003	94	Xuất sắc
5	3121380046	Đặng Ngọc	Diệp	08/05/2003	65	Khá
6	3121380053	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	15/11/2003	80	Tốt
7	3121380059	Ngô Thị Thùy	Dương	17/09/2003	69	Khá
8	3121380068	Nguyễn Tuấn	Đức	13/12/2003	62	Trung bình
9	3121380074	Nguyễn Châu	Giang	08/12/2003	69	Khá
10	3121380080	Nguyễn Thị Thanh	Hà	19/01/2003	78	Khá
11	3121380087	Lê Gia	Hạo	15/04/2003	67	Khá
12	3121380093	Lưu Gia	Hân	20/04/2003	79	Khá
13	3121380099	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/05/2003	72	Khá
14	3121380106	Nguyễn Trần Thanh	Huân	24/07/2003	93	Xuất sắc
15	3121380114	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	25/12/2003	75	Khá
16	3121380121	Đỗ Nguyễn Nhật	Khanh	23/03/2003	66	Khá
17	3121380133	Đỗ Trần Thùy	Linh	05/11/2003	70	Khá
18	3121380140	Trần Tấn	Lộc	19/04/2003	89	Tốt
19	3121380146	Nguyễn Thị Như	Mai	21/12/2003	72	Khá
20	3121380152	Bùi Ngọc	Minh	03/12/2002	65	Khá
21	3121380158	Hà Thị Hoàng	My	09/01/2003	59	Trung bình
22	3121380164	Nguyễn Cao Quỳnh	Nga	26/01/2003	70	Khá
23	3121380171	Lê Thanh	Ngân	18/05/2003	65	Khá
24	3121380184	Võ Trọng	Nghĩa	27/02/2003	65	Khá
25	3121380190	Nguyễn Thị Diễm	Ngọc	13/04/2002	80	Tốt
26	3121380197	Nguyễn Trọng	Nhân	22/10/2003	79	Khá
27	3121380203	Tiêu Mẫn	Nhi	10/11/2003	72	Khá
28	3121380209	Lê Thị Hồng	Nhung	03/02/2003	76	Khá
29	3121380215	Lê Hà Kiều	Oanh	01/09/2003	80	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 4 (DAN1214)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121380221	Trần Gia	Phúc	24/08/2003	67	Khá
31	3121380228	Nguyễn Duy	Quang	12/07/2003	60	Trung bình
32	3121380235	Nguyễn Tú	Quyên	04/08/2003	63	Trung bình
33	3121380241	Hà Thị Thu	Sương	17/09/2003	72	Khá
34	3121380247	Hoàng Kim	Thanh	28/04/2003	67	Khá
35	3121380254	Nguyễn Ngọc	Thảo	08/12/2003	74	Khá
36	3121380261	Nguyễn Hải	Thiên	02/03/2003	61	Trung bình
37	3121380004	Nguyễn Dương Nhật	Thu	10/12/2003	68	Khá
38	3121380267	Nguyễn Hữu	Thuận	23/12/2003	48	Yếu
39	3121380273	Lê Anh	Thư	10/03/2003	85	Tốt
40	3121380279	Phạm Thị Quỳnh	Thư	31/03/2003	72	Khá
41	3121380286	Đoàn Ngọc Cát	Tiên	26/05/2003	78	Khá
42	3121380294	Trương Huyền	Trâm	27/08/2003	72	Khá
43	3121380014	Hồ Đặng Trân	Trân	27/11/2003	71	Khá
44	3121380301	Cái Thị Tú	Trình	11/11/2003	92	Xuất sắc
45	3121380307	Nguyễn Anh	Tú	08/01/2003	64	Trung bình
46	3121380313	Lê Anh	Túc	09/03/2003	66	Khá
47	3121380320	Ngô Thanh	Vân	19/12/2003	68	Khá
48	3121380327	Đinh Đan	Viện	26/12/2003	82	Tốt
49	3121380334	Ngô Khánh	Vy	20/04/2003	76	Khá
50	3121380341	Nguyễn Thị	Xuân	05/11/2003	72	Khá
51	3121380346	Nguyễn Thị Kim	Yến	02/09/2003	71	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 4 (DAN1214)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 51 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
------	-------	---------

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc	5	9,8
-------	---	-----

Tốt	6	11,8
-----	---	------

Khá	32	62,7
-----	----	------

TB	7	13,7
----	---	------

Yếu	1	2,0
-----	---	-----

Kém	0	0,0
-----	---	-----

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 5 (DAN1215)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121380023	Đào Ngọc Lan	Anh	04/11/2003	74	Khá
2	3121380029	Nguyễn Quỳnh Minh	Anh	07/10/2003	70	Khá
3	3121380035	Nguyễn Thái	Bảo	25/01/2003	59	Trung bình
4	3121380041	Lý Trọng Bảo	Châu	26/09/2003	0	Kém
5	3121380047	Hà Thị Mỹ	Diệu	17/03/2003	64	Trung bình
6	3121380054	Mùi Kỳ	Duyên	03/12/2003	53	Trung bình
7	3121380060	Nguyễn Trần Khánh	Dương	27/10/2003	73	Khá
8	3121380069	Trần Tấn Trí	Đức	11/11/2003	100	Xuất sắc
9	3121380075	Nguyễn Hương	Giang	17/09/2003	71	Khá
10	3121380081	Phạm Thanh	Hà	09/12/2003	77	Khá
11	3121380088	Nguyễn Thị	Hằng	28/05/2003	63	Trung bình
12	3121380094	Nguyễn Hiếu	Hân	09/03/2003	68	Khá
13	3121380100	Ngô Minh	Hiền	15/03/2003	91	Xuất sắc
14	3121380107	Huỳnh Bảo	Huệ	04/06/2003	65	Khá
15	3121380115	Phan Thị Thanh	Huyền	01/06/2003	62	Trung bình
16	3121380122	Ngô Ngọc Giáng	Khanh	22/10/2003	72	Khá
17	3121380128	Dương Lê Thủy	Kiều	21/03/2003	73	Khá
18	3121380134	Lê Nhật	Linh	03/07/2003	76	Khá
19	3121380141	Phan Sĩ	Lương	11/11/2003	50	Trung bình
20	3121380147	Nguyễn Xuân	Mai	02/08/2003	69	Khá
21	3121380153	Lê Nguyễn Tuyết	Minh	12/10/2003	58	Trung bình
22	3121380159	Nguyễn Hồng Hà	My	11/11/2003	76	Khá
23	3121380165	Dương Nguyễn Kim	Ngân	25/05/2003	70	Khá
24	3121380172	Lê Thị Kim	Ngân	23/12/2002	76	Khá
25	3121380179	Huỳnh Thục Chiêu	Nghi	16/12/2003	96	Xuất sắc
26	3121380185	Đoàn Trần Bảo	Ngọc	29/06/2003	71	Khá
27	3121380192	Trần Thị	Ngọt	26/03/2003	61	Trung bình
28	3121380198	Lê Minh	Nhật	23/12/2003	59	Trung bình
29	3121380204	Trần Nguyễn Bảo	Nhi	10/02/2003	82	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 5 (DAN1215)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121380216	Vũ Chí	Phong	17/11/2003	55	Trung bình
31	3121380222	Trần Hoàng	Phúc	04/04/2003	67	Khá
32	3121380229	Lê Minh	Quân	28/01/2003	67	Khá
33	3121380236	Phạm Hoàng	Quyên	24/11/2003	70	Khá
34	3121380242	Đặng Thị	Tài	20/09/2003	78	Khá
35	3121380248	Lê Trần Đan	Thanh	10/11/2003	67	Khá
36	3121380255	Phan Thanh	Thảo	25/11/2003	54	Trung bình
37	3121380262	Phạm Ngọc	Thiện	30/07/2003	67	Khá
38	3121380268	Trần Thị Diệu	Thùy	20/05/2003	75	Khá
39	3121380281	Trần Anh	Thư	20/11/2003	90	Xuất sắc
40	3121380005	Nguyễn Hồng	Thy	08/05/2003	63	Trung bình
41	3121380288	Trần Thị Xuân	Tiên	13/05/2003	63	Trung bình
42	3121380295	Lâm Bảo	Trân	19/09/2003	63	Trung bình
43	3121380302	Trương Ngọc Tú	Trình	26/10/2003	59	Trung bình
44	3121380308	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/05/2003	95	Xuất sắc
45	3121380314	Lục Gia	Tuệ	27/09/2003	71	Khá
46	3121380015	Ngô Thanh	Tuyền	02/05/2003	63	Trung bình
47	3121380321	Nguyễn Phương Khánh	Vân	27/10/2003	81	Tốt
48	3121380328	Nguyễn Quốc	Việt	28/01/2003	67	Khá
49	3121380342	Trịnh Như	Ý	25/04/2003	68	Khá
50	3121380347	Nguyễn Thị Kim	Yến	14/02/2003	100	Xuất sắc



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 5 (DAN1215)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 50 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
------	-------	---------

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc	6	12,0
-------	---	------

Tốt	2	4,0
-----	---	-----

Khá	25	50,0
-----	----	------

TB	16	32,0
----	----	------

Yếu	0	0,0
-----	---	-----

Kém	1	2,0
-----	---	-----

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 6 (ĐAN1216)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121380024	Đinh Thoại	Anh	22/10/2003	70	Khá
2	3121380030	Nguyễn Thị Lan	Anh	18/03/2003	61	Trung bình
3	3121380036	Từ Lộc Anh	Bảo	17/10/2003	70	Khá
4	3121380042	Đặng Ngọc	Chi	11/12/2003	56	Trung bình
5	3121380049	Hồ Thị Thuỳ	Dung	01/09/2003	69	Khá
6	3121380055	Nguyễn Phạm Khánh	Duyên	19/05/2003	64	Trung bình
7	3121380062	Lưu Minh	Đạt	16/05/2003	70	Khá
8	3121380070	Lê Thị Ngọc	Gấm	29/04/2003	60	Trung bình
9	3121380076	Nguyễn Ngân	Giang	04/09/2003	53	Trung bình
10	3121380082	Võ Thị Thanh	Hà	15/05/2003	73	Khá
11	3121380089	Nguyễn Trịnh Minh	Hằng	14/03/2003	83	Tốt
12	3121380095	Phạm Minh	Hân	24/10/2003	73	Khá
13	3121380108	Lê Trần Gia	Huệ	02/10/2003	84	Tốt
14	3121380116	Trần Thanh	Huyền	12/11/2003	70	Khá
15	3121380123	Võ Uyên	Khanh	24/05/2003	82	Tốt
16	3121380129	Phạm Thị Diễm	Kiều	11/02/2003	88	Tốt
17	3121380135	Nguyễn Mai	Linh	17/10/2003	63	Trung bình
18	3121380142	Lương Minh	Lý	25/09/2003	88	Tốt
19	3121380148	Thái Gia	Mẫn	22/12/2003	50	Trung bình
20	3121380154	Nguyễn Cao	Minh	14/01/2003	62	Trung bình
21	3121380160	Tăng Kim	Mỹ	01/11/2003	67	Khá
22	3121380166	Dương Trúc	Ngân	11/07/2003	72	Khá
23	3121380173	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	31/12/2003	86	Tốt
24	3121380180	Phùng Ngọc Đông	Nghi	09/04/2003	70	Khá
25	3121380186	Lê Thị Bảo	Ngọc	11/01/2003	63	Trung bình
26	3121380193	Châu Hoàng	Nguyên	06/12/2003	73	Khá
27	3121380199	Dương Thị Tuyết	Nhi	02/05/2003	74	Khá
28	3121380205	Trương Yến	Nhi	17/04/2003	83	Tốt
29	3121380211	Đặng Lê Minh	Như	22/11/2003	61	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.21 - Lớp 6 (DAN1216)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121380217	Nông Diệu	Phú	12/05/2003	43	Yếu
31	3121380223	Nguyễn Thị Kim	Phụng	13/09/2003	68	Khá
32	3121380230	Nguyễn Đình	Quân	06/03/2003	67	Khá
33	3121380237	Hồ Phương	Quỳnh	10/01/2003	73	Khá
34	3121380243	Lương Mỹ	Tâm	17/03/2003	86	Tốt
35	3121380249	Võ Thị Minh	Thanh	12/03/2003	64	Trung bình
36	3121380256	Trần Quý Lý Thu	Thảo	12/03/2003	57	Trung bình
37	3121380263	Đoàn Đức	Thịnh	11/06/2003	60	Trung bình
38	3121380269	Trần Thị Anh	Thúy	17/01/2003	69	Khá
39	3121380275	Lê Thị Minh	Thư	24/09/2003	70	Khá
40	3121380289	Nguyễn Hữu	Toàn	28/12/2003	55	Trung bình
41	3121380006	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	06/07/2003	65	Khá
42	3121380296	Ngô Ngọc	Trân	30/03/2003	60	Trung bình
43	3121380303	Huỳnh Thanh	Trúc	13/06/2003	60	Trung bình
44	3121380309	Trần Minh	Tú	05/10/2003	71	Khá
45	3121380016	Nguyễn Hoàng Thiên	Vân	15/08/2003	69	Khá
46	3121380322	Phạm Nguyễn Khánh	Vân	05/03/2003	84	Tốt
47	3121380343	Lê Hoàng	Yến	10/09/2003	74	Khá

Tổng cộng danh sách này có 47 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	9	19,1
Khá	21	44,7
TB	16	34,0
Yếu	1	2,1
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 1 (DAN1221)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122380006	Huỳnh Lê Phương	Anh	05/01/2004	72	Khá
2	3122380011	Nguyễn Quốc Nam	Anh	19/09/2004	65	Khá
3	3122380016	Trần Văn	Anh	19/09/2004	68	Khá
4	3122380021	Lê Thị	Ân	02/12/2004	61	Trung bình
5	3122380026	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	17/01/2004	66	Khá
6	3122380036	Ngô Phạm Hoàng	Dung	22/01/2004	57	Trung bình
7	3122380041	Trần Đoàn Đình	Duy	16/04/2004	88	Tốt
8	3122380046	Nguyễn Thị Ánh	Dương	09/02/2004	61	Trung bình
9	3122380051	Trần Trịnh Khánh	Đoan	30/06/2004	73	Khá
10	3122380057	Nguyễn Bảo	Giang	27/07/2004	84	Tốt
11	3122380063	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/05/2004	73	Khá
12	3122380068	Dương Bảo	Hân	13/06/2002	71	Khá
13	3122380073	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	01/08/2004	64	Trung bình
14	3122380078	Đào Ngọc	Hiếu	11/11/2004	52	Trung bình
15	3122380083	Phạm Nguyễn Đăng	Hòa	05/03/2004	56	Trung bình
16	3122380088	Dương Gia	Huy	04/01/2004	50	Trung bình
17	3122380093	Lương Trần Thu	Huyền	19/09/2004	70	Khá
18	3122380098	Mai Quế	Hương	01/08/2004	70	Khá
19	3122380103	Tiêu Quốc Minh	Khang	16/08/2004	51	Trung bình
20	3122380108	Lâm Ngọc Đăng	Khoa	19/02/2004	87	Tốt
21	3122380113	Đinh Gia	Kiên	30/11/2004	52	Trung bình
22	3122380118	Nguyễn Ngô Thiên	Kim	08/02/2004	77	Khá
23	3122380356	Lê Thị Hoài	Lăng	19/07/2003	44	Yếu
24	3122380124	Nguyễn Thị Ngọc	Lâm	02/09/2004	42	Yếu
25	3122380129	Hồng Khánh	Linh	04/08/2004	65	Khá
26	3122380135	Mạch Gia	Linh	04/07/2004	64	Trung bình
27	3122380141	Ứng Hán	Linh	10/05/2004	59	Trung bình
28	3122380146	Luân Khánh	Ly	04/04/2004	40	Yếu
29	3122380151	Lý Gia	Mẫn	05/06/2004	52	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 1 (DAN1221)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122380156	Đặng Nguyễn Kỳ	My	10/05/2004	52	Trung bình
31	3122380161	Tôn Trương Hải	Nam	04/04/2004	51	Trung bình
32	3122380166	Lê Kim	Ngân	25/04/2004	54	Trung bình
33	3122380172	Hà Ngọc Quế	Nghi	14/01/2004	78	Khá
34	3122380177	Mã Vũ Diễm	Ngọc	31/07/2004	75	Khá
35	3122380182	Nguyễn Thị Anh	Nguyệt	03/08/2003	53	Trung bình
36	3122380187	Lê Uyên	Nhi	24/08/2004	53	Trung bình
37	3122380192	Phạm Thanh	Nhi	04/04/2004	72	Khá
38	3122380197	Nguyễn Trang	Nhung	07/05/2004	68	Khá
39	3122380203	Huỳnh Mạnh	Phát	15/11/2004	64	Trung bình
40	3122380208	Nguyễn Duy Thanh	Phúc	24/04/2004	56	Trung bình
41	3122380213	Lý Thanh	Phụng	14/04/2004	58	Trung bình
42	3122380218	Võ Nguyễn Minh	Phương	10/07/2004	40	Yếu
43	3122380224	Lý Gia	Quyền	28/04/2003	42	Yếu
44	3122380229	Lê Trần Phương	Quỳnh	28/06/2004	69	Khá
45	3122380234	Ka Hy	Ruyn	12/12/2004	80	Tốt
46	3122380239	Safinah	Solêh	12/07/2004	0	Kém
47	3122380245	Lê Nguyễn Thanh	Tân	23/01/2004	45	Yếu
48	3122380251	Kiều Ngọc	Thanh	18/07/2004	52	Trung bình
49	3122380256	Đặng Tiến	Thắng	03/06/2004	58	Trung bình
50	3122380262	Châu Quốc	Thịnh	12/05/2004	53	Trung bình
51	3122380267	Nguyễn Minh	Thuận	28/01/2004	77	Khá
52	3122380272	Đào Vũ Minh	Thư	27/07/2004	83	Tốt
53	3122380277	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	02/04/2004	53	Trung bình
54	3122380288	Phạm Nguyễn Bảo	Thy	17/04/2004	76	Khá
55	3122380293	Võ Ngọc	Toàn	06/03/2004	0	Kém
56	3122380298	Vũ Vân	Trang	29/05/2004	57	Trung bình
57	3122380304	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	26/03/2004	63	Trung bình
58	3122380309	Nguyễn Trịnh Trọng	Trí	10/02/2004	74	Khá
59	3122380314	Hồ Phương	Trình	06/01/2004	66	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 1 (DAN1221)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122380319	Bùi Thị Thanh	Trúc	06/03/2004	88	Tốt
61	3122380324	Nguyễn Trần Nhật	Trung	16/04/2004	50	Trung bình
62	3122380329	Ngô Thị Thanh	Tuyền	27/02/2004	79	Khá
63	3122380334	Nguyễn Triệu	Văn	14/03/2004	35	Yếu
64	3122380339	Nguyễn Quốc	Vinh	05/09/2004	61	Trung bình
65	3122380344	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	17/03/2004	54	Trung bình
66	3122380349	Phạm Thị Ngọc	Vy	15/10/2004	52	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 66 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	6	9,1
Khá	21	31,8
TB	30	45,5
Yếu	7	10,6
Kém	2	3,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 2 (ĐAN1222)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122380002	Nguyễn Võ Thy	An	09/02/2004	65	Khá
2	3122380007	Lương Vũ Trang	Anh	15/12/2004	78	Khá
3	3122380012	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	09/09/2004	0	Kém
4	3122380017	Võ Quỳnh	Anh	17/11/2002	60	Trung bình
5	3122380022	Phạm Lê Hoàng	Bách	01/11/2003	62	Trung bình
6	3122380027	Nguyễn Thị Minh	Châu	24/01/2004	61	Trung bình
7	3122380032	Trần Võ Bích	Du	28/04/2004	75	Khá
8	3122380037	Phùng Hoàng	Dung	13/05/2004	74	Khá
9	3122380042	Trần Thái Hoàng	Duy	31/05/2004	55	Trung bình
10	3122380047	Nguyễn Thị Ánh	Dương	20/05/2004	74	Khá
11	3122380052	Nguyễn Minh	Đức	25/09/2002	56	Trung bình
12	3122380058	Nguyễn Thanh	Giang	10/02/2004	67	Khá
13	3122380064	Trần Thụy	Hà	04/01/2004	68	Khá
14	3122380069	Đinh Gia	Hân	12/12/2004	55	Trung bình
15	3122380074	Trần Ngọc	Hân	20/08/2004	70	Khá
16	3122380079	Vũ Minh	Hiếu	17/05/2004	50	Trung bình
17	3122380084	Dương Phan Vũ	Hoàng	24/11/2004	61	Trung bình
18	3122380089	Nguyễn Hoàng	Huy	22/02/2003	63	Trung bình
19	3122380094	Phạm Thị Khánh	Huyền	08/01/2004	66	Khá
20	3122380099	Quăng Thị Ngọc	Hương	10/05/2003	85	Tốt
21	3122380104	Huỳnh Vũ Phương	Khanh	01/06/2004	72	Khá
22	3122380109	Lê Huỳnh Anh	Khoa	18/11/2004	85	Tốt
23	3122380114	Hoàng Tuấn	Kiệt	20/02/2004	71	Khá
24	3122380119	Phạm Thị Ngọc	Kim	12/05/2004	67	Khá
25	3122380125	Trương Thị	Liêm	29/08/2004	51	Trung bình
26	3122380130	Lâm Hoàng	Linh	13/05/2004	63	Trung bình
27	3122380137	Trần Hoàng Yến	Linh	17/02/2004	80	Tốt
28	3122380142	Dương Thanh Vĩnh	Lộc	21/08/2004	50	Trung bình
29	3122380147	Trần Thị Tiểu	Ly	01/02/2004	74	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 2 (DAN1222)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122380152	Tăng Ngọc Gia	Mẫn	18/08/2004	58	Trung bình
31	3122380157	Phạm Mai Quỳnh	My	17/07/2004	50	Trung bình
32	3122380162	Nguyễn Ninh Quỳnh	Nga	26/01/2004	80	Tốt
33	3122380167	Lê Ngọc Kim	Ngân	25/12/2004	70	Khá
34	3122380173	Nguyễn Thị Mẫn	Nghi	21/02/2004	50	Trung bình
35	3122380178	Nguyễn Bảo	Ngọc	28/07/2003	68	Khá
36	3122380183	Nguyễn Nhật Quang	Nhân	30/07/2004	50	Trung bình
37	3122380188	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	27/12/2004	53	Trung bình
38	3122380193	Trần Thị Yến	Nhi	16/10/2004	55	Trung bình
39	3122380198	Cao Thị Quỳnh	Như	16/02/2004	51	Trung bình
40	3122380204	Vũ Hưng	Phát	06/02/2004	50	Trung bình
41	3122380209	Nguyễn Phạm Như	Phúc	24/08/2004	54	Trung bình
42	3122380219	Nguyễn Minh	Quân	25/08/2004	50	Trung bình
43	3122380225	Mã Tuấn	Quyền	02/03/2004	61	Trung bình
44	3122380230	Phạm Trần Diễm	Quỳnh	06/02/2004	50	Trung bình
45	3122380235	Đỗ Hoàng Thy	San	20/02/2004	50	Trung bình
46	3122380240	Trần Văn	Son	06/02/2004	52	Trung bình
47	3122380246	Lưu Thanh	Tân	05/05/2004	54	Trung bình
48	3122380252	Nguyễn Thị Tâm	Thanh	03/01/2004	70	Khá
49	3122380257	Lê Quốc	Thắng	12/11/2004	71	Khá
50	3122380263	Lương Nguyễn Quốc	Thịnh	23/02/2004	57	Trung bình
51	3122380268	Đặng Nguyễn Thanh	Thùy	15/07/2004	62	Trung bình
52	3122380273	Hà Minh	Thư	22/10/2004	81	Tốt
53	3122380278	Nguyễn Minh	Thư	19/10/2004	61	Trung bình
54	3122380284	Phùng Minh	Thư	15/01/2004	62	Trung bình
55	3122380289	Trần Tú	Thy	01/12/2004	86	Tốt
56	3122380294	Đinh Nhật Hương	Trà	01/01/2004	59	Trung bình
57	3122380299	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	06/11/2004	81	Tốt
58	3122380305	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	20/11/2004	69	Khá
59	3122380310	Phạm Minh Cao	Trí	05/12/2004	50	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 2 (DAN1222)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122380315	Nguyễn Ngọc	Trình	20/04/2004	64	Trung bình
61	3122380320	Hoàng Phạm Thanh	Trúc	25/08/2004	72	Khá
62	3122380325	Nguyễn Quỳnh Anh	Tú	03/03/2004	65	Khá
63	3122380330	Trần Thanh	Tuyền	03/07/2004	60	Trung bình
64	3122380335	Đông Hoài Khánh	Vân	05/09/2004	63	Trung bình
65	3122380340	Lê Nguyễn Nữ Kỳ	Vương	24/10/2004	63	Trung bình
66	3122380345	Nguyễn Ngọc Triệu	Vy	01/01/2004	60	Trung bình
67	3122380350	Phan Ngọc Thảo	Vy	09/07/2004	53	Trung bình
68	3122380354	Nguyễn Hoàng Kim	Xuân	29/01/2004	63	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 68 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	7	10,3
Khá	20	29,4
TB	40	58,8
Yếu	0	0,0
Kém	1	1,5

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 3 (DAN1223)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122380003	Bùi Nguyễn Trâm	Anh	07/06/2004	60	Trung bình
2	3122380008	Nguyễn Hồ Minh	Anh	28/05/2004	72	Khá
3	3122380013	Phạm Ngọc Trang	Anh	07/04/2001	50	Trung bình
4	3122380018	Tô Nhật	Ánh	29/02/2004	59	Trung bình
5	3122380023	Đoàn Hoài	Bảo	03/05/2004	69	Khá
6	3122380028	Ngô Uyên	Chi	03/02/2004	50	Trung bình
7	3122380038	Vũ Nguyễn Hoàng	Dung	06/07/2004	50	Trung bình
8	3122380043	Phạm Thị Mỹ	Duyên	21/02/2003	48	Yếu
9	3122380048	Nguyễn Thùy	Dương	01/12/2004	65	Khá
10	3122380053	Phạm Hữu	Đức	04/01/2004	45	Yếu
11	3122380059	Nguyễn Trường	Giang	15/01/2004	63	Trung bình
12	3122380065	Nguyễn Gia	Hạnh	25/02/2004	66	Khá
13	3122380070	Huỳnh Ngọc	Hân	25/05/2004	51	Trung bình
14	3122380075	Bùi Ngọc Minh	Hiền	11/09/2004	63	Trung bình
15	3122380080	Hoàng Thị Cúc	Hoa	06/05/2004	0	Kém
16	3122380085	Nguyễn Đức	Hoàng	04/11/2004	75	Khá
17	3122380090	Nguyễn Hoàng	Huy	31/07/2004	49	Yếu
18	3122380095	Nguyễn Nhật	Hưng	15/03/2004	48	Yếu
19	3122380100	Đỗ Minh	Khang	20/10/2004	78	Khá
20	3122380105	Nguyễn Ngọc Uyên	Khanh	21/11/2004	72	Khá
21	3122380110	Nguyễn Đăng	Khoa	22/07/2004	64	Trung bình
22	3122380115	Nguyễn Văn	Kiệt	24/08/2004	61	Trung bình
23	3122380120	Vũ Phạm Thiên	Kim	24/10/2004	66	Khá
24	3122380126	Đinh Ngọc	Linh	21/02/2004	68	Khá
25	3122380131	Lê Nguyễn Nhật	Linh	08/07/2004	80	Tốt
26	3122380138	Trần Tuệ Gia	Linh	22/06/2004	72	Khá
27	3122380143	Lê Xuân	Lộc	20/03/2004	52	Trung bình
28	3122380148	Huỳnh Thị Xuân	Mai	18/11/2004	54	Trung bình
29	3122380153	Phùng Trần Thảo	Minh	08/12/2004	47	Yếu



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 3 (DAN1223)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122380158	Vương Phúc Thảo	My	11/11/2004	74	Khá
31	3122380163	Cao Thị Ngọc	Ngân	22/07/2004	65	Khá
32	3122380169	Nguyễn Ngọc Thúy	Ngân	19/01/2004	63	Trung bình
33	3122380174	Dương Trọng	Nghĩa	16/05/2004	68	Khá
34	3122380179	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngọc	26/03/2004	76	Khá
35	3122380184	Nguyễn Thành	Nhân	21/01/2004	58	Trung bình
36	3122380189	Nguyễn Ngô Thanh	Nhi	28/06/2004	68	Khá
37	3122380194	Trần Yên	Nhi	03/10/2004	67	Khá
38	3122380199	Lăng Nguyễn Quỳnh	Như	01/10/2004	70	Khá
39	3122380205	Châu Kim	Phuong	23/08/2004	68	Khá
40	3122380210	Tê Tấn	Phúc	05/09/2004	59	Trung bình
41	3122380215	Lê Nguyễn Ngọc	Phương	20/09/2004	45	Yếu
42	3122380220	Nguyễn Việt	Quân	21/09/2002	47	Yếu
43	3122380226	Hoàng Phạm Như	Quỳnh	17/06/2004	57	Trung bình
44	3122380231	Trần Lê Nhật	Quỳnh	09/08/2004	79	Khá
45	3122380236	Hồ Nguyễn Yên	Sang	27/05/2004	72	Khá
46	3122380241	Danh Trí	Tài	31/07/2004	74	Khá
47	3122380247	Phạm Minh	Tân	20/12/2004	60	Trung bình
48	3122380258	Lâm Vĩ	Thiện	04/08/2004	62	Trung bình
49	3122380264	Võ Phúc	Thịnh	21/02/2004	62	Trung bình
50	3122380269	Ngũ Ngọc	Thủy	21/04/2004	70	Khá
51	3122380274	Lê Phương Anh	Thư	12/07/2004	70	Khá
52	3122380279	Nguyễn Thanh	Thư	15/09/2004	70	Khá
53	3122380285	Trương Minh	Thư	15/10/2004	67	Khá
54	3122380290	Trương Thụy Nhung	Thy	03/05/2004	61	Trung bình
55	3122380295	Lê Nguyễn Quyền	Trang	31/08/2004	73	Khá
56	3122380300	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20/11/2004	61	Trung bình
57	3122380306	Phạm Ngọc Bảo	Trân	14/02/2004	100	Xuất sắc
58	3122380311	Trần Hữu	Trí	22/12/2004	48	Yếu
59	3122380316	Trần Ngọc	Trình	06/04/2004	89	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 3 (DAN1223)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122380321	Lê Thanh	Trúc	22/02/2002	78	Khá
61	3122380326	Trần Lâm Thanh	Tú	15/09/2003	49	Yếu
62	3122380331	Tường Nguyễn Ánh	Tuyết	28/07/2004	65	Khá
63	3122380336	Ngô Minh	Vân	26/09/2004	76	Khá
64	3122380341	Danh Huỳnh Tường	Vy	04/09/2004	50	Trung bình
65	3122380346	Nguyễn Thanh	Vy	24/05/2002	73	Khá
66	3122380351	Triệu Ái	Vy	16/06/2004	55	Trung bình
67	3122380355	Dương Kim	Yến	03/01/2004	73	Khá

Tổng cộng danh sách này có 67 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,5
Tốt	2	3,0
Khá	31	46,3
TB	23	34,3
Yếu	9	13,4
Kém	1	1,5

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 4 (DAN1224)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122380004	Đỗ Trần Lan	Anh	18/07/2004	0	Kém
2	3122380009	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	12/03/2004	53	Trung bình
3	3122380014	Phạm Thị Kim	Anh	23/04/2004	70	Khá
4	3122380019	H Myun	Ayūn	05/08/2004	56	Trung bình
5	3122380024	Trần Lê Tâm	Bình	22/03/2004	82	Tốt
6	3122380029	Trần Anh	Cường	13/01/2004	67	Khá
7	3122380034	Lê Thị Phương	Dung	03/06/2004	65	Khá
8	3122380039	Hoàng Nguyễn Đình	Duy	05/09/2004	56	Trung bình
9	3122380044	Tô Mỹ	Duyên	25/07/2004	47	Yếu
10	3122380049	Nguyễn Thùy	Dương	18/05/2004	59	Trung bình
11	3122380054	Bùi Thanh	Giang	09/11/2004	89	Tốt
12	3122380061	Lại Ngọc Ánh	Hà	23/02/2004	69	Khá
13	3122380066	Vĩnh Phúc	Hạnh	14/11/2003	68	Khá
14	3122380071	La Gia	Hân	02/12/2004	61	Trung bình
15	3122380076	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	07/01/2004	51	Trung bình
16	3122380081	Hoàng Thị Diệu	Hoa	10/10/2004	65	Khá
17	3122380086	Trương Thị Tuyết	Hồng	24/10/2004	79	Khá
18	3122380091	Trần Khánh	Huy	20/08/2003	70	Khá
19	3122380096	Vương Chấn	Hung	21/11/2004	45	Yếu
20	3122380101	Lê Duy	Khang	24/09/2004	55	Trung bình
21	3122380106	Nguyễn Văn	Khánh	30/05/2004	53	Trung bình
22	3122380111	Đặng Minh	Khuê	04/05/2004	67	Khá
23	3122380116	Nguyễn Hoàng	Kim	06/06/2004	55	Trung bình
24	3122380122	Nguyễn Bửu	Lạc	25/07/2003	69	Khá
25	3122380127	Hoàng Khánh	Linh	15/12/2004	53	Trung bình
26	3122380132	Lê Nguyễn Phương	Linh	20/11/2004	83	Tốt
27	3122380139	Trần Tuyết	Linh	06/01/2004	61	Trung bình
28	3122380144	Trần Vĩnh	Lộc	17/01/2004	55	Trung bình
29	3122380149	Huỳnh Xuân	Mai	07/02/2004	78	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 4 (DAN1224)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122380154	Trần Triệu	Minh	10/10/2004	56	Trung bình
31	3122380159	Nguyễn Trần Hoàng	Mỹ	02/09/2004	76	Khá
32	3122380164	Chu Nguyễn Ngọc	Ngân	05/03/2004	79	Khá
33	3122380170	Nguyễn Thị Hiếu	Ngân	10/12/2004	76	Khá
34	3122380180	Võ Huỳnh Tú	Ngọc	29/06/2004	54	Trung bình
35	3122380185	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhật	04/01/2004	63	Trung bình
36	3122380190	Nguyễn Phương	Nhi	24/07/2004	54	Trung bình
37	3122380195	Trương Thái Yên	Nhi	11/07/2004	63	Trung bình
38	3122380201	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/02/2004	54	Trung bình
39	3122380206	Hoàng Thiên	Phú	10/10/2004	55	Trung bình
40	3122380211	Trương Thiện	Phúc	18/08/2004	66	Khá
41	3122380216	Lê Thị Xuân	Phương	03/07/2004	52	Trung bình
42	3122380221	Trần Lê Như	Quỳnh	18/09/2004	64	Trung bình
43	3122380227	Lê Thị Thúy	Quỳnh	19/10/2004	44	Yếu
44	3122380232	Văn Thị Như	Quỳnh	31/01/2004	62	Trung bình
45	3122380237	Nguyễn Thanh	Sang	29/09/2003	53	Trung bình
46	3122380242	Phùng Anh Tấn	Tài	14/09/1994	75	Khá
47	3122380248	Võ Minh	Tân	17/07/2004	71	Khá
48	3122380254	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/09/2004	67	Khá
49	3122380259	Nguyễn Phúc	Thiện	15/09/2004	60	Trung bình
50	3122380265	Lê Tiến	Thuận	06/06/2004	64	Trung bình
51	3122380270	Âu Nguyễn Anh	Thư	28/12/2004	76	Khá
52	3122380275	Ngô Thị Anh	Thư	20/01/2004	81	Tốt
53	3122380280	Nguyễn Thị Minh	Thư	02/01/2004	57	Trung bình
54	3122380286	Võ Phó Anh	Thư	24/08/2004	67	Khá
55	3122380291	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	03/07/2004	65	Khá
56	3122380296	Nguyễn Đỗ Diệu	Trang	18/04/2004	86	Tốt
57	3122380301	Nguyễn Võ Ngọc	Trâm	09/10/2004	66	Khá
58	3122380307	Trương Bội	Trân	24/02/2004	83	Tốt
59	3122380312	Nguyễn Minh	Triết	06/01/2004	46	Yếu



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 4 (DAN1224)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122380317	Lê Ngọc Khánh	Trình	09/04/2004	45	Yếu
61	3122380322	Nguyễn Thị Nhã	Trúc	04/06/2004	77	Khá
62	3122380327	Bùi Hoàng Anh	Tuấn	09/01/2004	55	Trung bình
63	3122380337	Huỳnh Ngọc Phương	Vi	22/12/2004	67	Khá
64	3122380342	Nguyễn Hồng	Vy	21/01/2004	54	Trung bình
65	3122380347	Nguyễn Thảo	Vy	11/04/2004	94	Xuất sắc

Tổng cộng danh sách này có 65 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,5
Tốt	6	9,2
Khá	24	36,9
TB	28	43,1
Yếu	5	7,7
Kém	1	1,5

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 5 (DAN1225)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122380005	Hoà Thị Quỳnh	Anh	05/10/2004	0	Kém
2	3122380010	Nguyễn Phan Quốc	Anh	12/06/2004	0	Kém
3	3122380015	Trần Ngọc Lan	Anh	18/01/2004	62	Trung bình
4	3122380020	Đặng Trần Cát	Ân	07/10/2004	54	Trung bình
5	3122380025	Trần Tú	Bình	14/02/2004	0	Kém
6	3122380030	Nguyễn Thành	Danh	30/09/2004	64	Trung bình
7	3122380035	Lê Thị Thùy	Dung	06/04/2004	77	Khá
8	3122380040	Hoàng Nguyễn Nhật	Duy	15/03/2004	54	Trung bình
9	3122380045	Trần Ngọc	Duyên	26/03/2004	50	Trung bình
10	3122380050	Lê Phương	Đan	14/10/2004	66	Khá
11	3122380056	Ngô Trường	Giang	09/11/2004	47	Yếu
12	3122380062	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	17/05/2004	59	Trung bình
13	3122380067	Cao Hoàng Ngọc	Hân	13/06/2004	56	Trung bình
14	3122380072	Nguyễn Gia	Hân	12/11/2004	52	Trung bình
15	3122380077	Nguyễn Thị Thu	Hiền	12/09/2004	57	Trung bình
16	3122380082	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	10/07/2004	85	Tốt
17	3122380087	Bùi Quang	Huy	29/04/2004	45	Yếu
18	3122380092	Tăng Mẫn	Huyền	07/11/2004	67	Khá
19	3122380097	Đinh Nữ Thiên	Hương	29/11/2004	80	Tốt
20	3122380102	Nguyễn Đại	Khang	13/04/2004	57	Trung bình
21	3122380107	Phạm Ngọc Mỹ	Khánh	03/05/2004	73	Khá
22	3122380112	Trần Trung	Kiên	19/09/2004	51	Trung bình
23	3122380117	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	20/12/2004	72	Khá
24	3122380123	Trần Thanh	Lam	20/04/2004	69	Khá
25	3122380128	Hoàng Nhật	Linh	24/08/2004	62	Trung bình
26	3122380133	Lê Quang	Linh	12/10/2004	60	Trung bình
27	3122380140	Trương Đỗ Thùy	Linh	14/06/2004	63	Trung bình
28	3122380145	Hoàng Khánh	Ly	27/06/2004	53	Trung bình
29	3122380150	Huỳnh Thị Thanh	Mẫn	28/09/2004	71	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 5 (DAN1225)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122380155	Dương Thị Hoài My	14/10/2004	64	Trung bình
31	3122380160	Nguyễn Hòa Nam	09/05/2004	75	Khá
32	3122380165	Huỳnh Thị Thanh Ngân	02/01/2004	60	Trung bình
33	3122380171	Phạm Thị Thu Ngân	16/04/2004	57	Trung bình
34	3122380176	Huỳnh Nguyễn Kim Ngọc	10/09/2004	50	Trung bình
35	3122380181	Mìn Chí Nguyên	29/07/2004	57	Trung bình
36	3122380186	Trần Lê Minh Nhật	22/09/2004	52	Trung bình
37	3122380191	Nguyễn Thị Khanh Nhi	17/08/2004	69	Khá
38	3122380196	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15/01/2004	65	Khá
39	3122380202	Đỗ Hưng Phát	16/05/2004	83	Tốt
40	3122380207	Nguyễn Việt Phú	25/09/2004	53	Trung bình
41	3122380212	Bạch Phi Phụng	20/04/2004	53	Trung bình
42	3122380217	Nguyễn Hoàng Nam Phương	29/10/2004	59	Trung bình
43	3122380222	Hoàng Mỹ Quyên	20/03/2004	0	Kém
44	3122380228	Lê Thị Xuân Quỳnh	09/03/2004	75	Khá
45	3122380233	Vũ Ngọc Quỳnh	04/11/2004	61	Trung bình
46	3122380238	Lê Quang Sáng	14/01/2004	58	Trung bình
47	3122380243	Trương Nguyễn Hữu Tài	16/04/2004	43	Yếu
48	3122380249	Trịnh Học Thái	15/11/2004	50	Trung bình
49	3122380255	Phan Ngô Xuân Thảo	07/04/2004	69	Khá
50	3122380261	Đào Quang Thiệu	27/01/2004	50	Trung bình
51	3122380266	Ngô Đình Minh Thuận	12/05/2004	52	Trung bình
52	3122380271	Bùi Anh Thư	14/04/2004	51	Trung bình
53	3122380276	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	20/01/2004	60	Trung bình
54	3122380281	Nguyễn Trần Anh Thư	18/11/2004	73	Khá
55	3122380287	Nguyễn Minh Thy	27/05/2004	58	Trung bình
56	3122380292	Ngô Chí Toàn	25/08/2004	51	Trung bình
57	3122380297	Nguyễn Thị Huyền Trang	30/06/2004	100	Xuất sắc
58	3122380302	Bùi Nguyên Huyền Trân	30/06/2004	56	Trung bình
59	3122380308	Nguyễn Huỳnh Minh Trí	27/10/2004	55	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Ngôn ngữ Anh - K.22 - Lớp 5 (DAN1225)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122380313	Nguyễn Ngọc Minh	Triết	19/10/2004	64	Trung bình
61	3122380318	Lương Ngọc Thanh	Trúc	06/02/2004	54	Trung bình
62	3122380323	Phạm Thiên	Trúc	23/05/2004	73	Khá
63	3122380328	Từ Gia	Tuấn	14/11/2004	70	Khá
64	3122380333	Cao Dương Ngọc Cẩm	Uyên	17/07/2004	83	Tốt
65	3122380338	Lâm Thị Yến	Vì	17/07/2004	78	Khá
66	3122380343	Nguyễn Mai Tường	Vy	17/09/2004	54	Trung bình
67	3122380348	Nguyễn Thị Thanh	Vy	23/09/2004	72	Khá
68	3122380353	Nguyễn Thành	Vỹ	12/01/2004	65	Khá

Tổng cộng danh sách này có 68 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,5
Tốt	4	5,9
Khá	18	26,5
TB	38	55,9
Yếu	3	4,4
Kém	4	5,9

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.19 - Lớp 1 (DSA1191)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119130001	Lê Hải	Anh	03/01/2001	73	Khá
2	3119130004	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	12/01/2001	79	Khá
3	3119130007	Nguyễn Phan Thục	Anh	08/08/2001	55	Trung bình
4	3119130012	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	03/03/2001	65	Khá
5	3119130015	Ngô Xuân	Diệu	06/03/2001	61	Trung bình
6	3119130018	Nguyễn Hoàng Công	Duy	29/12/2001	58	Trung bình
7	3119130023	Ngô Xuân	Đức	28/05/1999	68	Khá
8	3119130026	Nguyễn Xuân Minh	Hải	21/07/2001	75	Khá
9	3119130032	Phạm Thanh	Hoài	30/11/2001	70	Khá
10	3119130036	Hồ Thị Thúy	Hồng	06/07/2001	57	Trung bình
11	3119130039	Lương Ngọc Quỳnh	Hương	19/09/2001	67	Khá
12	3118130053	Nguyễn Thị Cẩm	Hương	03/08/2000	63	Trung bình
13	3119130042	Đinh Nguyễn Tuấn	Khải	24/09/2001	68	Khá
14	3119130048	Vũ Kim	Khánh	19/04/2001	67	Khá
15	3119130051	Phạm Minh	Khoa	29/10/1999	53	Trung bình
16	3119130054	Hồ Anh	Khôi	12/10/2001	68	Khá
17	3119130057	Nguyễn Thị Kim	Liên	19/02/2001	65	Khá
18	3119130061	Nguyễn Thị Phương	Linh	16/05/2001	65	Khá
19	3119130065	Đương Cẩm	Loan	08/04/2000	61	Trung bình
20	3119130068	Huỳnh Tường	Ly	01/09/2001	48	Yếu
21	3119130071	Đào Tuệ	Mẫn	09/08/2001	75	Khá
22	3119130074	Triệu Gia	Minh	21/03/2001	75	Khá
23	3119130077	Lê Thị Quỳnh	Nga	28/07/2001	73	Khá
24	3119130080	Nguyễn Như	Ngọc	25/10/2001	60	Trung bình
25	3119130086	Phùng Thị Yến	Nhi	21/03/2001	63	Trung bình
26	3119130089	Đặng Hoàng Yến	Như	09/09/2001	56	Trung bình
27	3119130093	Nguyễn Tâm	Như	01/02/2001	64	Trung bình
28	3119130096	Nguyễn Tấn	Phát	22/08/2001	58	Trung bình
29	3119130099	Ngô Hồng	Quang	18/05/2001	72	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.19 - Lớp 1 (DSA1191)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119130105	Huỳnh Tuấn Quyền	23/01/2001	73	Khá
31	3119130108	Nguyễn Phương Quỳnh	01/05/2001	65	Khá
32	3119130111	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	05/06/2001	73	Khá
33	3119130114	Phạm Đăng Tuệ Tâm	19/01/2001	66	Khá
34	3119130117	Trần Duy Tân	29/01/2001	85	Tốt
35	3119130120	Nguyễn Thị Giang Thanh	28/10/2001	65	Khá
36	3119130123	Trần Từ Thành	12/01/2001	64	Trung bình
37	3119130126	Nguyễn Minh Thi	15/11/2000	50	Trung bình
38	3119130129	Nguyễn Hoàng Thơ	14/11/2001	69	Khá
39	3119130132	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	13/05/2001	76	Khá
40	3119130136	Tổng Thị Thủy Tiên	25/08/2001	58	Trung bình
41	3119130139	Nguyễn Đức Toàn	31/08/2001	67	Khá
42	3119130145	Nguyễn Hồng Linh Trúc	10/10/2001	59	Trung bình
43	3119130148	Dương Hiền Đình Tuệ	19/01/2001	73	Khá
44	3119130151	Phan Thị Thu Uyên	30/07/2001	71	Khá
45	3119130154	Bùi Yến Vi	28/11/2001	65	Khá
46	3119130157	Bạch Thị Hà Vy	26/06/2001	59	Trung bình
47	3119130161	Lê Nguyễn Bảo Vy	16/11/2001	67	Khá
48	3119130164	Trương Uyên Vy	11/05/2001	63	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 48 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	1	2,1
Khá	28	58,3
TB	18	37,5
Yếu	1	2,1
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.19 - Lớp 2 (DSA1192)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119130002	Lê Trần Ngọc Vân	Anh	11/09/2000	79	Khá
2	3119130005	Nguyễn Huy Loan	Anh	17/07/1999	81	Tốt
3	3119130010	Trần Minh	Anh	30/09/2001	70	Khá
4	3119130013	Nguyễn Minh	Châu	11/07/2001	60	Trung bình
5	3119130016	Lê Thị Phương	Dung	14/05/2001	62	Trung bình
6	3119130020	Phan Ngọc Linh	Đan	05/01/2001	79	Khá
7	3119130024	Bùi Tường	Giang	21/08/2001	65	Khá
8	3119130027	Đỗ Ngọc Gia	Hân	20/12/2001	66	Khá
9	3119130030	Bùi Thị Khánh	Hòa	01/12/2001	53	Trung bình
10	3119130033	Lê Huy	Hoàng	27/11/2001	60	Trung bình
11	3119130037	Phạm Thị Kim	Huyền	02/06/2001	78	Khá
12	3119130040	Nguyễn Thu	Hương	19/02/2001	69	Khá
13	3119130043	Nguyễn Hoàng Duy	Khang	20/09/2001	71	Khá
14	3119130046	Phạm Phúc	Khang	21/04/2001	70	Khá
15	3119130049	Lê Anh	Khoa	31/01/2001	69	Khá
16	3119130052	Đặng Đình	Khôi	06/07/2000	59	Trung bình
17	3119130055	Hồ Nguyễn Tuấn	Khôi	03/06/2001	57	Trung bình
18	3119130058	Âu Ngọc	Linh	20/07/2001	72	Khá
19	3119130062	Phan Trần Khánh	Linh	24/04/2001	71	Khá
20	3119130066	Trịnh Ngọc	Loan	12/05/2001	71	Khá
21	3119130069	Bùi Ngọc	Mai	21/09/2001	69	Khá
22	3119130072	Phan Thị Hồng	Minh	11/02/2001	78	Khá
23	3119130075	Nguyễn Thế	Nam	01/01/2001	73	Khá
24	3119130078	Nguyễn Thanh	Ngân	18/01/2001	64	Trung bình
25	3119130081	Hà Chí	Nguyên	05/07/2001	66	Khá
26	3119130087	Võ Thị Ái	Nhung	13/09/2001	63	Trung bình
27	3119130094	Phan Quỳnh	Như	30/12/2001	66	Khá
28	3119130097	Võ Đức	Phát	30/03/2001	71	Khá
29	3119130100	Nguyễn Đoàn Anh	Quân	14/09/2001	72	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.19 - Lớp 2 (DSA1192)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119130103	Thái	Quý	16/06/2001	65	Khá
31	3119130106	Đỗ Ngọc Như	Quỳnh	09/12/2001	77	Khá
32	3119130109	Phạm Hương	Quỳnh	03/01/2001	61	Trung bình
33	3119130112	Đỗ Ngọc Kim	Sang	03/10/2000	65	Khá
34	3119130115	Phan Thanh	Tâm	03/08/2001	73	Khá
35	3119130118	Phạm Đăng Anh	Tấn	02/10/2001	61	Trung bình
36	3119130121	Phạm Thị	Thanh	17/11/2001	86	Tốt
37	3119130124	Bùi Thanh	Thảo	12/09/2001	78	Khá
38	3119130127	Lê Hồng	Tho	14/10/2001	69	Khá
39	3119130130	Vương Ngọc	Thuận	07/07/2001	85	Tốt
40	3119130133	Nguyễn Bình Phương	Thúy	29/05/2001	65	Khá
41	3119130137	Lê Thị Kim Mỹ	Tiếp	14/10/2001	68	Khá
42	3119130140	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	16/08/2001	73	Khá
43	3119130143	Trần Ngọc Bảo	Trân	20/09/2001	66	Khá
44	3119130146	Kiều Minh	Trung	16/12/2001	86	Tốt
45	3119130149	Đàm Ngọc	Tuyền	24/02/2001	63	Trung bình
46	3119130152	Phạm Ngọc Long	Vân	21/08/2001	80	Tốt
47	3119130155	Trần Thụy Ý	Vi	11/01/2001	62	Trung bình
48	3119130158	Hà Nguyễn Khánh	Vy	24/10/2001	76	Khá
49	3119130162	Lê Phương Gia	Vy	09/03/2001	81	Tốt
50	3119130165	Lê Nguyễn Hoàng	Yến	27/01/2001	81	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.19 - Lớp 2 (DSA1192)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 50 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	7	14,0
Khá	31	62,0
TB	12	24,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.19 - Lớp 3 (DSA1193)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119130003	Ngô Thị Thu	Anh	28/09/2001	68	Khá
2	3119130011	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/02/2001	87	Tốt
3	3119130014	Cao Trần Mai	Chi	09/05/2001	70	Khá
4	3119130017	Đỗ Mạnh	Dũng	13/12/2001	77	Khá
5	3119130022	Nguyễn Thành	Đạt	17/12/2001	68	Khá
6	3119130025	Nguyễn Trọng	Hà	25/08/2001	75	Khá
7	3119130028	Nguyễn Ngọc	Hân	09/05/2001	74	Khá
8	3119130035	Võ Minh	Hoàng	23/10/1997	70	Khá
9	3119130038	Lê Phước	Hung	25/05/2001	69	Khá
10	3119130041	Nguyễn Hùng	Kha	26/10/2001	76	Khá
11	3119130044	Nguyễn Lý Huy	Khang	21/11/2001	68	Khá
12	3119130047	Nguyễn Xuân Ngọc	Khánh	11/01/2001	71	Khá
13	3119130050	Lê Đăng	Khoa	08/11/2001	61	Trung bình
14	3119130053	Đỗ Quang Duy	Khôi	29/01/2001	60	Trung bình
15	3119130056	Võ Khúc Minh	Kiên	28/04/2001	55	Trung bình
16	3119130059	Lê Nguyễn Gia	Linh	13/01/2001	76	Khá
17	3119130067	Lê Võ Tài	Lộc	18/09/2001	63	Trung bình
18	3119130070	Nguyễn Quế	Mai	27/08/2001	69	Khá
19	3119130073	Trần Nhựt	Minh	02/05/2001	69	Khá
20	3119130076	Trần Hà	Nam	27/08/2001	67	Khá
21	3119130079	Huỳnh Như	Ngọc	23/07/2001	83	Tốt
22	3119130082	Hoàng Nhật Thanh	Nguyên	01/01/2001	76	Khá
23	3119130085	Hoàng Trương Thanh	Nhi	04/05/2001	82	Tốt
24	3119130088	Dương Lưu Thanh	Như	07/09/2001	71	Khá
25	3119130092	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	10/09/2000	77	Khá
26	3119130095	Tạ Trần Như	Như	28/12/2001	53	Trung bình
27	3119130098	Phan Huy	Phúc	18/03/2001	66	Khá
28	3119130101	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	07/09/2001	70	Khá
29	3119130104	Đieu Ngọc	Quyên	18/09/2001	70	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.19 - Lớp 3 (DSA1193)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119130107	Ngô Ngọc Cát	Quỳnh	20/08/2001	73	Khá
31	3119130110	Phạm Thái	Quỳnh	12/03/2001	77	Khá
32	3119130113	Nguyễn Tiến	Sang	19/07/2001	73	Khá
33	3119130116	Lê Minh	Tân	08/08/2001	65	Khá
34	3119130119	Mạc Khiết	Thanh	06/05/2001	67	Khá
35	3119130122	Tạ Công	Thành	18/10/2001	0	Kém
36	3119130125	Nguyễn Hiền Phương	Thảo	28/05/2001	73	Khá
37	3119130128	Trần Đức	Thọ	31/01/2001	65	Khá
38	3119130131	Lý Thị Thanh	Thủy	15/11/2001	68	Khá
39	3119130166	Nguyễn Phương Bảo	Thy	11/09/2001	71	Khá
40	3119130135	Lê Thủy	Tiên	02/01/2001	73	Khá
41	3119130138	Thạch Đan	Tiếp	17/11/2001	71	Khá
42	3119130141	Nguyễn Ngọc Khánh	Trân	13/08/2001	70	Khá
43	3119130144	Nguyễn Hoàng Thủy	Trúc	02/04/2001	82	Tốt
44	3119130147	Phạm Thị Cẩm	Tú	19/06/1997	75	Khá
45	3119130150	Ngô Cát	Tường	15/09/2001	80	Tốt
46	3119130153	Vũ Ngọc Thanh	Vân	12/05/2001	73	Khá
47	3119130156	Lê Hoàng	Vũ	03/01/2001	72	Khá
48	3119130159	Lê Đặng Thúy	Vy	15/05/1999	70	Khá
49	3119130163	Phạm Ngọc Yến	Vy	09/01/2001	70	Khá

Tổng cộng danh sách này có 49 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	5	10,2
Khá	38	77,6
TB	5	10,2
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,0

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.20 - Lớp 1 (DSA1201)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120130003	Trương Thanh	An	14/06/2002	73	Khá
2	3120130006	Lê Thị Ngọc	Anh	10/03/2002	69	Khá
3	3120130009	Phạm Thị Tú	Anh	03/07/2002	78	Khá
4	3120130012	Vương Biện Thủy	Anh	12/02/2002	74	Khá
5	3120130018	Phạm Nguyễn Minh	Châu	17/07/2000	82	Tốt
6	3120130021	Võ Minh Khả	Doanh	08/09/2002	70	Khá
7	3120130024	Đỗ Khắc	Duy	11/04/2002	77	Khá
8	3120130027	Vũ Nguyễn Mỹ	Duyên	06/08/2002	72	Khá
9	3120130030	Nguyễn Thúy	Đình	10/07/2002	59	Trung bình
10	3120130033	Nguyễn Minh	Đức	20/11/2002	85	Tốt
11	3120130036	Trần Thị Ngọc	Hạnh	03/10/2002	100	Xuất sắc
12	3120130039	Nguyễn Thúy	Hiền	03/01/2002	72	Khá
13	3120130042	Đào Thị Thu	Hòa	28/04/2002	63	Trung bình
14	3120130045	Nguyễn Duy	Hùng	14/09/2002	67	Khá
15	3120130048	Ngô Quang	Huy	21/12/2002	59	Trung bình
16	3120130051	Nguyễn Hải	Huyền	05/10/2002	66	Khá
17	3120130054	Vũ Thị Thanh	Hương	02/04/2002	69	Khá
18	3120130057	Trần Tuyết	Khả	18/08/2002	0	Kém
19	3120130060	Trương Tuấn	Khang	19/01/2002	85	Tốt
20	3120130063	Đào Duy	Khoa	09/02/2002	78	Khá
21	3120130067	Trần Thanh	Lam	10/12/2002	73	Khá
22	3120130070	Lê Nguyễn Trúc	Linh	10/04/2002	75	Khá
23	3119130064	Phùng Mỹ	Linh	08/05/2001	76	Khá
24	3120130073	Trần Huỳnh Phương	Loan	30/09/2002	72	Khá
25	3120130076	Nguyễn Phương Tân	Minh	18/03/2002	85	Tốt
26	3120130079	Nhan Huyền	My	08/03/2002	65	Khá
27	3120130082	Nguyễn Hoài	Nam	24/06/2001	71	Khá
28	3120130085	Lê Vũ Kim	Ngân	15/09/2002	68	Khá
29	3120130088	Nguyễn Vũ Hoàng	Nghị	02/05/2002	67	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.20 - Lớp 1 (DSA1201)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120130092	Nguyễn Giáng	Ngọc	24/01/2002	68	Khá
31	3120130095	Võ Hoàng Kim	Ngọc	01/06/2002	80	Tốt
32	3120130098	Trương Thành	Nguyên	15/04/2002	73	Khá
33	3119130084	Nguyễn Phan Thành	Nhân	13/09/2001	44	Yếu
34	3120130101	Đặng Mai Uyển	Nhi	27/01/2002	81	Tốt
35	3120130104	Trần Quỳnh	Như	24/10/2002	73	Khá
36	3120130107	Hà Thị Thu	Oanh	01/09/2002	80	Tốt
37	3120130111	Quách Chí	Phước	03/04/2002	67	Khá
38	3120130114	Trần Hà Anh	Phương	20/08/2002	68	Khá
39	3120130117	Võ Lê Lệ	Quyên	04/02/2002	72	Khá
40	3120130120	Phạm Đặng Diễm	Quỳnh	28/05/2002	64	Trung bình
41	3120130123	Tổng Thiên	Thanh	02/01/2002	73	Khá
42	3120130126	Lê Hoàng Gia	Thảo	18/12/2002	69	Khá
43	3120130129	Nguyễn Phạm Phương	Thảo	08/07/2002	53	Trung bình
44	3120130132	Trương Hồ Minh	Thắng	26/09/2002	70	Khá
45	3120130135	Nguyễn Hoàng	Thịnh	26/09/2002	61	Trung bình
46	3120130138	Lê Thị Minh	Thư	04/02/2002	72	Khá
47	3120130141	Nguyễn Thị Anh	Thư	10/09/2002	71	Khá
48	3120130144	Vũ Trần Thùy	Tiên	04/11/2002	73	Khá
49	3120130147	Bùi Trần Phước	Trang	20/11/2002	68	Khá
50	3120130150	Dương Đình Bảo	Trâm	19/12/2002	76	Khá
51	3120130153	Đinh Thị Bảo	Trân	28/03/2002	71	Khá
52	3120130156	Nguyễn Thanh	Trúc	26/06/2002	84	Tốt
53	3120130159	Trần Nguyễn Thanh	Tú	29/08/2002	81	Tốt
54	3120130162	Trần Tú	Uyên	30/10/2002	68	Khá
55	3120130165	Ngô Tường	Vy	12/01/2002	73	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.20 - Lớp 1 (DSA1201)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 55 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm Số SV Tỷ lệ %

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc 1 1,8

Tốt 9 16,4

Khá 37 67,3

TB 6 10,9

Yếu 1 1,8

Kém 1 1,8

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.20 - Lớp 2 (DSA1202)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120130001	Phạm Thị Thúy	An	18/11/2002	71	Khá
2	3120130004	Đỗ Phạm Ngọc	Anh	08/09/2002	73	Khá
3	3120130007	Ngô Thị Kiều	Anh	11/10/2002	72	Khá
4	3120130010	Phạm Xuân Ngọc	Anh	11/09/2002	69	Khá
5	3120130013	Huỳnh Duy	Bảo	02/10/2002	98	Xuất sắc
6	3120130016	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	12/07/2002	71	Khá
7	3120130019	Phan Thị Kim	Chi	12/04/2001	73	Khá
8	3120130022	Đinh Hoàng Nguyên	Dung	09/03/2002	88	Tốt
9	3120130025	Nguyễn Phương	Duy	09/04/2002	58	Trung bình
10	3120130028	Trương Lê Khánh	Dương	06/03/2002	73	Khá
11	3120130031	Võ Trâm Khánh	Đoan	03/03/2002	73	Khá
12	3120130034	Nguyễn Lê Lam	Giang	27/08/2002	67	Khá
13	3120130037	Trần Ngọc	Hân	19/12/2002	76	Khá
14	3120130040	Nguyễn Võ Thảo	Hiền	18/01/2002	76	Khá
15	3120130043	Lý Huy	Hoàng	04/08/2002	73	Khá
16	3120130046	Dương Gia	Huy	10/11/2002	100	Xuất sắc
17	3120130052	Nguyễn Việt	Hung	28/10/2002	89	Tốt
18	3120130055	Nguyễn Thị	Hường	07/07/2002	77	Khá
19	3120130058	Nguyễn Gia	Khang	21/01/2002	100	Xuất sắc
20	3120130061	Nguyễn Vi	Khánh	02/09/2002	72	Khá
21	3120130068	Nguyễn Ngọc	Liên	22/11/2001	100	Xuất sắc
22	3120130071	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	11/01/2002	75	Khá
23	3120130074	Phạm Thị Xuân	Mai	01/03/2002	56	Trung bình
24	3120130077	Trần Thanh	Minh	05/07/2002	72	Khá
25	3120130080	Trương Lê Hà	My	11/07/2002	84	Tốt
26	3120130083	Bùi Thị Văn	Nga	20/12/2002	76	Khá
27	3120130086	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	03/03/2002	69	Khá
28	3120130090	Đào Như	Ngọc	12/11/2002	93	Xuất sắc
29	3120130093	Nguyễn Phạm Khánh	Ngọc	01/10/2002	77	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.20 - Lớp 2 (DSA1202)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120130096	Võ Thị Kim	Ngọc	10/02/2002	75	Khá
31	3120130099	Chu Thị Bích	Nguyệt	20/01/2002	74	Khá
32	3120130102	Nguyễn Hà Phương	Nhi	05/02/2002	77	Khá
33	3120130105	Jeremy	Niê	10/02/2002	76	Khá
34	3120130109	Trần Phạm Mỹ	Phụng	19/12/2002	60	Trung bình
35	3120130115	Trương Thị Bích	Phượng	15/10/2002	75	Khá
36	3120130118	Huỳnh Chấn	Quyền	28/08/2001	73	Khá
37	3120130121	Nguyễn Lưu Hải	Tâm	07/02/2002	70	Khá
38	3120130124	Trương Thị Ngọc	Thanh	25/08/2002	78	Khá
39	3120130127	Lê Thị Ngọc	Thảo	29/07/2002	73	Khá
40	3120130130	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/04/2002	77	Khá
41	3120130133	Lê Hưng	Thịnh	20/07/2002	83	Tốt
42	3120130136	Trần Huỳnh	Thịnh	22/06/2002	86	Tốt
43	3120130139	Nguyễn Huỳnh Song	Thư	26/01/2002	71	Khá
44	3120130142	Nguyễn Trường Anh	Thư	16/11/2002	75	Khá
45	3120130145	Nguyễn Việt	Tín	22/09/2002	78	Khá
46	3120130148	Phạm Nguyễn Kiều	Trang	05/06/2002	69	Khá
47	3120130151	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	23/09/2002	64	Trung bình
48	3120130154	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	23/11/2002	81	Tốt
49	3120130157	Nguyễn Thanh	Trúc	03/11/2002	76	Khá
50	3120130160	Cao Thanh	Tuyền	04/10/2002	74	Khá
51	3120130163	Lê Ngọc Quỳnh	Uyển	12/04/2002	73	Khá
52	3120130166	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	06/10/2002	81	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.20 - Lớp 2 (DSA1202)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 52 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	5	9,6
Tốt	7	13,5
Khá	36	69,2
TB	4	7,7
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.20 - Lớp 3 (DSA1203)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120130002	Trịnh Thành	An	20/06/2002	53	Trung bình
2	3120130005	Lê Thị Hiền	Anh	08/09/2002	80	Tốt
3	3120130008	Nguyễn Huỳnh	Anh	12/01/2002	71	Khá
4	3120130011	Phan Bảo	Anh	19/06/2002	81	Tốt
5	3120130014	Đặng Nhứt Hiếu	Bình	22/10/2002	76	Khá
6	3120130017	Nguyễn Trần Minh	Châu	26/03/2002	67	Khá
7	3120130020	Đinh Thị Huyền	Diệu	17/10/2002	83	Tốt
8	3120130023	Bùi Bảo	Duy	10/06/2002	74	Khá
9	3120130026	Nguyễn Tùng Ánh	Duyên	06/10/2002	72	Khá
10	3120130029	Ngô Hải	Đăng	01/07/2002	75	Khá
11	3120130032	Đinh Anh	Đức	16/02/2002	81	Tốt
12	3120130035	Nguyễn Thu	Hà	04/04/2002	80	Tốt
13	3120130038	Nguyễn Mai Diệu	Hiền	31/03/2002	90	Xuất sắc
14	3120130044	Nguyễn Thị Kim	Huệ	09/04/2002	68	Khá
15	3120130047	Hồ Gia	Huy	15/07/2002	98	Xuất sắc
16	3120130050	Đỗ Khánh	Huyền	23/12/2002	83	Tốt
17	3120130053	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	19/07/2002	69	Khá
18	3120130056	Võ Thu	Hường	02/05/2002	73	Khá
19	3120130059	Thái Nguyễn Phúc	Khang	28/11/2002	57	Trung bình
20	3120130062	Võ Phương	Khánh	09/04/2002	67	Khá
21	3120130066	Nguyễn Hoàng	Kim	28/01/2002	74	Khá
22	3120130069	Hồ Thị Khánh	Linh	30/10/2002	67	Khá
23	3120130072	Phạm Thị Ngọc	Linh	23/05/2001	73	Khá
24	3120130075	Nguyễn Lê Hoàng	Mi	17/08/2002	80	Tốt
25	3120130078	Mai Thị Trà	My	07/10/2002	73	Khá
26	3120130081	Trần Thị Lê	Na	08/06/2002	77	Khá
27	3120130084	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	01/04/2002	64	Trung bình
28	3120130087	Nguyễn Lê Đông	Nghi	12/11/2002	88	Tốt
29	3120130091	Lê Thị Hồng	Ngọc	24/10/2002	78	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.20 - Lớp 3 (DSA1203)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120130094	Trịnh Minh	Ngọc	12/06/2002	73	Khá
31	3120130097	Trần Huỳnh Thảo	Nguyễn	25/08/2002	78	Khá
32	3120130100	Nguyễn Đức	Nhân	09/03/2002	76	Khá
33	3120130103	Đặng Mỹ	Nhung	16/12/2002	73	Khá
34	3120130106	Bùi Đoàn Lâm	Oanh	31/03/2002	65	Khá
35	3120130110	Nguyễn Minh	Phước	22/07/2002	66	Khá
36	3120130113	Lê Thị Quế	Phương	02/09/2002	73	Khá
37	3120130116	Võ Văn	Quảng	30/03/2002	76	Khá
38	3120130119	Đỗ Thị	Quỳnh	23/04/2002	56	Trung bình
39	3120130122	Nguyễn Văn	Thanh	04/10/2001	69	Khá
40	3120130125	Lý Quốc	Thành	20/02/2002	83	Tốt
41	3120130128	Nguyễn Diệu	Thảo	22/02/2002	78	Khá
42	3120130131	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/10/2002	48	Yếu
43	3120130134	Mai Phúc	Thịnh	08/12/2002	63	Trung bình
44	3120130137	Nguyễn Thị Phương	Thoa	02/08/2002	65	Khá
45	3120130140	Nguyễn Minh Anh	Thư	22/06/2002	85	Tốt
46	3120130143	Thái Thị Minh	Thư	20/09/2002	73	Khá
47	3120130146	Bùi Hiếu	Toàn	15/10/2002	73	Khá
48	3120130152	Phạm Trần Hoàng	Trâm	07/06/2002	80	Tốt
49	3120130155	Nguyễn Thùy Ngọc	Trân	29/06/2002	80	Tốt
50	3120130158	Nguyễn Hữu	Trường	25/10/2002	41	Yếu
51	3120130161	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	24/11/1994	86	Tốt
52	3120130164	Vũ Thùy	Vân	13/09/2002	51	Trung bình
53	3120130167	Trần Yến	Vy	14/04/2002	77	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.20 - Lớp 3 (DSA1203)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 53 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	3,8
Tốt	13	24,5
Khá	30	56,6
TB	6	11,3
Yếu	2	3,8
Kém	0	0,0

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.21 - Lớp 1 (DSA1211)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121130008	Nguyễn Quỳnh	An	09/12/2003	52	Trung bình
2	3121130011	Lê Thị Mỹ	Anh	25/09/2003	73	Khá
3	3121130014	Trần Ngọc Quỳnh	Ánh	19/04/2003	59	Trung bình
4	3121130020	Huỳnh Ngọc An	Bình	03/05/2003	68	Khá
5	3121130023	Nguyễn Thị Yên	Chi	20/03/2003	61	Trung bình
6	3121130026	Nguyễn Thị Hân	Du	20/04/2003	63	Trung bình
7	3121130029	Nguyễn Quốc	Duy	03/09/2003	86	Tốt
8	3121130032	Nguyễn Tiến	Đạt	09/07/2003	52	Trung bình
9	3121130035	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	07/06/2002	60	Trung bình
10	3121130038	Nguyễn Việt	Hà	27/12/2003	69	Khá
11	3121130041	Nguyễn Thy	Hào	12/07/2003	71	Khá
12	3121130044	Đặng Thị Bảo	Hân	19/02/2003	65	Khá
13	3121130047	Bùi Đình	Hiếu	03/04/2003	98	Xuất sắc
14	3121130050	Nguyễn Lê	Hoàng	15/02/2003	77	Khá
15	3121130055	Đoàn Thị Minh	Huyền	05/02/2003	52	Trung bình
16	3121130058	Nguyễn Thế	Hưng	05/11/2003	85	Tốt
17	3121130061	Nghiêm Hoài	Khiêm	19/02/2003	59	Trung bình
18	3121130064	Nguyễn Ngọc Kim	Khuê	09/03/2003	66	Khá
19	3121130067	Nguyễn Việt	Kim	24/05/2003	64	Trung bình
20	3121130005	Trần Hoàng	Lan	08/08/2003	81	Tốt
21	3121130070	Âu Thành	Lâm	06/06/2003	68	Khá
22	3121130073	Nguyễn Thùy	Linh	29/06/2003	57	Trung bình
23	3121130076	Tạ Y	Linh	14/10/2003	94	Xuất sắc
24	3121130080	Lê Như	Mai	30/09/2003	89	Tốt
25	3121130083	Phạm Cao Hoàng	My	29/10/2003	58	Trung bình
26	3121130086	Lê Ngọc Thu	Ngân	17/10/2003	73	Khá
27	3121130089	Phạm Thị Hiếu	Ngân	06/01/2003	67	Khá
28	3121130092	Nguyễn Thị Bé	Ngoan	22/10/2003	66	Khá
29	3121130095	Trần Nữ Minh	Ngọc	22/10/2002	64	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.21 - Lớp 1 (DSA1211)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121130098	Cao Hoàng Minh	Nguyệt	14/08/2003	90	Xuất sắc
31	3121130101	Nguyễn Thị Yến	Nhi	09/01/2003	64	Trung bình
32	3121130104	Nguyễn Quỳnh	Như	03/07/2003	64	Trung bình
33	3121130107	Nguyễn Lâm Kiều	Oanh	21/01/2003	53	Trung bình
34	3121130110	Dương Thanh	Phú	07/11/2003	63	Trung bình
35	3121130001	Đặng Hữu Anh	Phước	04/09/2003	69	Khá
36	3121130113	Nguyễn Anh	Phương	30/09/2003	68	Khá
37	3121130116	Nguyễn Khánh	Quyên	16/05/2003	75	Khá
38	3121130119	Tơ Ly Ma Ly	Sian	03/04/2003	66	Khá
39	3121130122	Lê Đình	Tài	11/05/2003	56	Trung bình
40	3121130125	Nguyễn Công	Thành	23/02/2003	100	Xuất sắc
41	3121130128	Nguyễn Phương	Thảo	25/10/2003	83	Tốt
42	3121130131	Nguyễn Lê Hoàng	Thị	02/04/2003	51	Trung bình
43	3121130134	Hàng Trần Hoài	Thu	13/09/2003	62	Trung bình
44	3121130137	Võ Trần Ánh	Thúy	27/09/2003	75	Khá
45	3121130140	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/08/2003	55	Trung bình
46	3121130143	Trần Lê Anh	Thư	28/07/2003	65	Khá
47	3121130146	Trần Thanh	Trà	08/02/2003	62	Trung bình
48	3121130149	Đào Thị Quỳnh	Trâm	12/05/2003	54	Trung bình
49	3121130152	Lê Thị Thùy	Trình	20/08/2003	77	Khá
50	3121130155	Châu Huỳnh Anh	Tú	17/12/2003	65	Khá
51	3121130158	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	03/07/2003	55	Trung bình
52	3121130161	Nguyễn Phương	Uyên	09/09/2003	58	Trung bình
53	3121130164	Võ Hà Phương	Uyên	17/01/2003	62	Trung bình
54	3121130167	Nguyễn Tường	Vân	26/09/2003	61	Trung bình
55	3121130170	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	23/01/2003	63	Trung bình
56	3121130173	Trần Ngọc Khánh	Vy	29/04/2003	65	Khá
57	3121130176	Nguyễn Ngọc Như	Ý	17/10/2003	72	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.21 - Lớp 1 (DSA1211)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 57 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	4	7,0
Tốt	5	8,8
Khá	21	36,8
TB	27	47,4
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.21 - Lớp 2 (DSA1212)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121130009	Nguyễn Thụy Khánh	An	30/11/2003	71	Khá
2	3121130002	Phạm Thảo Quỳnh	Anh	09/09/2003	89	Tốt
3	3121130012	Võ Văn Tuấn	Anh	03/10/2003	78	Khá
4	3121130015	Trần Thị Ngọc	Ánh	05/09/2003	60	Trung bình
5	3121130018	Lương Gia	Bảo	30/12/2003	61	Trung bình
6	3121130021	Trần Nguyễn Mai	Bình	07/11/2003	64	Trung bình
7	3121130024	Trần Lê Vĩ	Dạ	26/11/2003	63	Trung bình
8	3121130027	Phạm Thị Ngọc	Dung	01/09/2003	80	Tốt
9	3121130030	Lê Kỳ	Duyên	15/12/2003	66	Khá
10	3121130036	Lê Thị Khánh	Hà	15/06/2003	71	Khá
11	3121130039	Lê Minh	Hải	06/01/2003	73	Khá
12	3121130045	Lê Phạm Nhật	Hân	10/11/2003	81	Tốt
13	3121130048	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	03/07/2003	66	Khá
14	3121130053	Nguyễn Tuấn	Huy	21/08/2003	74	Khá
15	3121130056	Nguyễn Thanh	Huyền	09/05/2003	70	Khá
16	3121130059	Đỗ Thị Kim	Khánh	26/01/2003	58	Trung bình
17	3121130062	Huỳnh Ngọc Minh	Khôi	02/10/2003	53	Trung bình
18	3121130065	Nguyễn Trung	Kiên	16/04/2003	63	Trung bình
19	3121130068	Nguyễn Ngọc Vân	Lam	07/02/2003	63	Trung bình
20	3121130071	Trần Bửu	Liên	16/04/2003	63	Trung bình
21	3121130074	Phạm Ngọc Thùy	Linh	15/11/2003	80	Tốt
22	3121130078	Trần Thị Thùy	Linh	14/07/2003	65	Khá
23	3121130081	Nguyễn Thị Phương	Mai	26/12/2003	71	Khá
24	3121130084	Nguyễn Ngọc Bích	Nga	27/02/2003	85	Tốt
25	3121130087	Nguyễn Lưu Trúc	Ngân	12/06/2003	58	Trung bình
26	3121130090	Âu Mỹ	Nghi	09/11/2003	75	Khá
27	3121130093	Nguyễn Châu Khánh	Ngọc	22/10/2003	59	Trung bình
28	3121130096	Trần Thị Bích	Ngọc	19/06/2003	72	Khá
29	3121130099	Lê Ý	Nhi	16/09/2003	81	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.21 - Lớp 2 (DSA1212)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121130006	Phan Lê Yến	Nhi	16/05/2003	98	Xuất sắc
31	3121130102	Trương Phạm Uyên	Nhi	15/05/2003	96	Xuất sắc
32	3121130105	Phạm Quỳnh	Như	23/05/2003	77	Khá
33	3121130108	Vũ Trần Đức	Phát	22/10/2003	62	Trung bình
34	3121130111	Huỳnh Trương Triệu	Phú	23/12/2003	64	Trung bình
35	3121130114	Nguyễn Thu	Phương	17/02/2003	67	Khá
36	3121130117	Vũ Hồng	Quyên	03/11/2003	68	Khá
37	3121130120	Mang Quốc	Son	22/12/2003	75	Khá
38	3121130123	Trần Phạm Mỹ	Tâm	22/12/2003	80	Tốt
39	3121130129	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/05/2003	68	Khá
40	3121130132	Lâm Tấn	Thịnh	22/03/2003	62	Trung bình
41	3121130135	Chung Nguyễn Thanh	Thùy	11/12/2003	86	Tốt
42	3121130138	Lê Anh	Thư	18/12/2003	74	Khá
43	3121130141	Phạm Anh	Thư	14/07/2003	66	Khá
44	3121130144	Lâm Thị Minh	Thương	20/04/2003	69	Khá
45	3121130147	Dương Thị	Trang	14/07/2002	61	Trung bình
46	3121130150	Lê Thị Ngọc	Trâm	30/07/2003	76	Khá
47	3121130153	Trần Thị Phương	Trình	24/04/2003	67	Khá
48	3121130156	Đỗ Thị Cẩm	Tú	24/11/2003	65	Khá
49	3121130159	Bạch Khánh	Uyên	01/09/2003	68	Khá
50	3121130162	Nguyễn Võ Phương	Uyên	27/04/2003	79	Khá
51	3121130165	Nguyễn Hải	Vân	10/10/2003	65	Khá
52	3121130168	Nguyễn Vũ Phương	Vi	04/03/2003	55	Trung bình
53	3121130171	Phạm Thị Tường	Vy	20/06/2003	59	Trung bình
54	3121130174	Đoàn Thị Thanh	Xuân	06/12/2003	64	Trung bình
55	3121130177	Nguyễn Đại Phương	Yến	24/12/2003	57	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.21 - Lớp 2 (DSA1212)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 55 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
------	-------	---------

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc	2	3,6
-------	---	-----

Tốt	8	14,5
-----	---	------

Khá	26	47,3
-----	----	------

TB	19	34,5
----	----	------

Yếu	0	0,0
-----	---	-----

Kém	0	0,0
-----	---	-----

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.21 - Lớp 3 (DSA1213)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121130010	Lê Ngọc	Anh	28/11/2003	67	Khá
2	3121130013	Ngô Vũ Ngọc	Ánh	05/01/2003	72	Khá
3	3121130016	Trương Hoài	Ân	30/07/2003	64	Trung bình
4	3121130019	Hoàng Nguyên Ngọc	Bình	22/07/2003	83	Tốt
5	3121130022	Phan Thị Huyền	Châu	21/03/2003	72	Khá
6	3121130025	Lê Nguyễn Hoàng	Diệu	14/10/2002	59	Trung bình
7	3121130028	Lê Đình	Duy	27/12/2003	70	Khá
8	3121130031	Lê Thị Mỹ	Duyên	19/07/2003	60	Trung bình
9	3121130037	Mai Thu	Hà	20/11/2003	67	Khá
10	3121130040	Lý Trần Hiền	Hạnh	26/10/2003	76	Khá
11	3121130046	Phan Hoài	Hiệp	19/08/2003	68	Khá
12	3121130049	Lê Nguyễn Khánh	Hoàng	22/09/2003	71	Khá
13	3121130054	Trần Thanh	Huy	12/12/2003	74	Khá
14	3121130057	Nguyễn Thị Bích	Huyền	29/04/2003	80	Tốt
15	3121130060	Trần Hữu	Khánh	02/09/2003	72	Khá
16	3121130004	Nguyễn Chí	Khiêm	21/12/2003	69	Khá
17	3121130063	Đoàn Lan	Khuê	28/05/2003	79	Khá
18	3121130066	Nguyễn Bùi Thiên	Kim	12/05/2003	92	Xuất sắc
19	3121130069	Hồ Nguyễn Xuân	Lan	21/01/2003	69	Khá
20	3121130072	Lương Khánh	Linh	02/12/2003	73	Khá
21	3121130075	Tạ Hoàng Trúc	Linh	23/12/2003	68	Khá
22	3121130079	Nguyễn Thị Thiên	Lý	04/06/2003	61	Trung bình
23	3121130082	Lâm Trúc	My	03/10/2003	68	Khá
24	3121130085	Tổng Thúy	Nga	24/12/2003	84	Tốt
25	3121130088	Nguyễn Thiên	Ngân	27/04/2003	78	Khá
26	3121130091	Đặng Phương	Nghi	19/02/2003	63	Trung bình
27	3121130094	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	24/09/2003	78	Khá
28	3121130097	Đỗ Thị Thảo	Nguyên	21/05/2003	69	Khá
29	3121130100	Nguyễn Hoàng	Nhi	30/08/2002	74	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.21 - Lớp 3 (DSA1213)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121130103	Dương Quỳnh	Như	06/11/2003	74	Khá
31	3121130106	Phạm Thị Thanh	Như	24/01/2003	73	Khá
32	3121130109	Nguyễn Thị Yến	Phi	26/08/2003	88	Tốt
33	3121130112	Nguyễn Hoàng	Phúc	24/02/2003	82	Tốt
34	3121130115	Trần Đình	Quân	18/09/2003	75	Khá
35	3121130118	Nguyễn Trúc	Quỳnh	07/01/2003	66	Khá
36	3121130121	Nguyễn Ngọc Kim	Sương	08/08/2003	71	Khá
37	3121130124	Nguyễn Đình Duy	Thái	08/08/2002	58	Trung bình
38	3121130127	Đặng Phương	Thảo	01/09/2003	77	Khá
39	3121130007	Võ Thị Thanh	Thảo	18/09/2003	88	Tốt
40	3121130130	Võ Thị Thanh	Thảo	09/01/2003	67	Khá
41	3121130133	Trần Võ Mai	Thơ	13/06/2003	69	Khá
42	3121130136	Nguyễn Thu	Thủy	18/09/2003	88	Tốt
43	3121130139	Nguyễn Minh	Thư	01/05/2003	64	Trung bình
44	3121130142	Sử Ái Hoàng	Thư	15/08/2003	86	Tốt
45	3121130148	Trần Ngọc Đoan	Trang	02/07/2003	60	Trung bình
46	3121130151	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	21/10/2003	81	Tốt
47	3121130154	Đàm Ngọc Thanh	Trúc	09/05/2003	68	Khá
48	3121130157	Võ Ngọc	Tú	18/07/2003	61	Trung bình
49	3121130160	Lâm Minh Phương	Uyên	15/05/2003	89	Tốt
50	3121130163	Phạm Lang	Uyên	20/05/2003	76	Khá
51	3121130166	Nguyễn Trần Yến	Vân	13/10/2003	50	Trung bình
52	3121130169	Hoàng Trần Tường	Vy	23/11/2003	72	Khá
53	3121130172	Trần Hạ	Vy	14/05/2003	66	Khá
54	3121130175	Nguyễn Thị Ngọc	Xuyến	22/05/2003	72	Khá
55	3121130178	Nguyễn Hoàng	Yến	14/08/2003	63	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.21 - Lớp 3 (DSA1213)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 55 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm Số SV Tỷ lệ %

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc 1 1,8

Tốt 10 18,2

Khá 33 60,0

TB 11 20,0

Yếu 0 0,0

Kém 0 0,0

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.22 - Lớp 1 (DSA1221)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122130001	Võ Nguyễn Trường	An	09/10/2004	47	Yếu
2	3122130002	Bùi Lưu Lan	Anh	27/03/2004	66	Khá
3	3122130003	Nguyễn Thị Vân	Anh	21/12/2004	68	Khá
4	3122130004	Qua Nhất Chế	Anh	14/09/2004	50	Trung bình
5	3122130005	Đình Trí	Bảo	13/09/2004	73	Khá
6	3122130006	Trần Gia	Bình	15/11/2004	76	Khá
7	3122130007	Huỳnh Lê Bảo	Châu	17/08/2004	69	Khá
8	3122130008	Nguyễn Hoàng Khánh	Duyên	23/07/2004	67	Khá
9	3122130009	Phương Thành	Đông	29/07/2004	69	Khá
10	3122130010	Đặng Minh	Đức	09/02/2004	78	Khá
11	3122130011	Phan Nguyễn Hương	Giang	08/06/2004	78	Khá
12	3122130012	Phan Thị Quỳnh	Giang	20/01/2004	66	Khá
13	3122130013	Đặng Bá	Hiếu	05/09/2004	55	Trung bình
14	3122130014	Huỳnh Chí	Hiếu	29/04/2004	82	Tốt
15	3122130015	Hồ Huỳnh Diệu	Hoàng	22/03/2004	79	Khá
16	3122130016	Tăng Ngọc	Hoàng	11/01/2004	56	Trung bình
17	3122130017	Đình Khang	Huy	16/02/2004	0	Kém
18	3122130018	Lê Ngọc	Huyền	30/10/2004	70	Khá
19	3122130019	Đỗ Nguyễn Duy	Khang	17/12/2004	53	Trung bình
20	3122130020	Ngô Văn Nam	Khang	10/11/2004	48	Yếu
21	3122130021	Đỗ Thị Vân	Khánh	21/12/2004	68	Khá
22	3122130022	Trần Minh	Khuê	21/07/2004	82	Tốt
23	3122130023	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	28/11/2004	61	Trung bình
24	3122130024	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13/10/2004	67	Khá
25	3122130025	Nguyễn Trần Khánh	Linh	22/12/2004	76	Khá
26	3122130026	Trần Thị Mai	Linh	16/10/2004	73	Khá
27	3122130027	Trương Tuyết	Minh	24/09/2004	58	Trung bình
28	3122130028	Châu Thiện Khánh	My	11/09/2003	69	Khá
29	3122130029	Lê Thị Kim	Ngân	22/08/2004	58	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.22 - Lớp 1 (DSA1221)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122130030	Phạm Kim	Ngân	01/09/2004	73	Khá
31	3122130031	Đỗ Nguyễn Gia	Nghi	13/03/2004	68	Khá
32	3122130032	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/10/2002	50	Trung bình
33	3122130033	Nguyễn Bùi Xuân	Nguyên	30/01/2004	61	Trung bình
34	3122130034	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	21/01/2004	56	Trung bình
35	3122130035	Nguyễn Ngọc Khả	Nguyên	09/08/2004	72	Khá
36	3122130036	Nguyễn Trần Thống	Nhất	19/01/2004	69	Khá
37	3122130037	Ngô Ngọc	Nhi	05/08/2004	81	Tốt
38	3122130038	Trần Ngọc Huỳnh	Như	18/09/2004	52	Trung bình
39	3122130039	Phạm Bá	Phúc	24/02/2004	37	Yếu
40	3122130040	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	07/08/2004	81	Tốt
41	3122130041	Đặng Trần Đăng	Quang	26/09/2004	73	Khá
42	3122130042	Huỳnh Thiên	Quang	07/12/2004	66	Khá
43	3122130043	Nguyễn Anh	Quân	01/12/2004	45	Yếu
44	3122130044	Triệu Thị Hiền	Tâm	28/09/2004	94	Xuất sắc
45	3122130045	Lưu Phương	Thảo	08/11/2004	57	Trung bình
46	3122130046	Võ Thị Thanh	Thảo	11/10/2004	68	Khá
47	3122130047	Trần Thị Thanh	Thu	02/10/2004	83	Tốt
48	3122130048	Đặng Minh	Thủy	14/10/2004	65	Khá
49	3122130049	Hồ Anh	Thư	10/05/2004	68	Khá
50	3122130050	Nguyễn Mai	Thy	08/06/2004	69	Khá
51	3122130051	Lê Mỹ	Tiên	13/12/2004	68	Khá
52	3122130052	Nguyễn Trần Bảo	Tiên	24/10/2004	64	Trung bình
53	3122130053	Nguyễn Hữu	Tiến	01/09/2002	67	Khá
54	3122130054	Phạm Thùy	Trang	14/09/2004	60	Trung bình
55	3122130055	Phạm Thị Khánh	Trâm	18/01/2004	56	Trung bình
56	3122130056	Phạm Thị Cẩm	Trình	27/11/2004	52	Trung bình
57	3122130057	Nguyễn Huỳnh Thanh	Tú	09/09/2004	55	Trung bình
58	3122130058	Hà Minh	Tuyết	24/11/2004	76	Khá
59	3122130059	Hoàng Hiền	Vi	19/10/2004	66	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành SP Tiếng Anh - K.22 - Lớp 1 (DSA1221)

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122130060	Nguyễn Hồng Nhật Vinh	05/04/2004	50	Trung bình
61	3122130061	Phạm Nguyễn Long Vũ	05/04/2004	63	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 61 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 26 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,6
Tốt	5	8,2
Khá	31	50,8
TB	19	31,1
Yếu	4	6,6
Kém	1	1,6

TS. Võ Văn Thật